

BỘ XÂY DỰNG**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Xây dựng số 18/2003/QĐ-BXD ngày 27/6/2003 về việc ban hành Quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng.****BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 36/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng và các Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000, Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng thay thế Quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 17/2000/QĐ-BXD ngày 02 tháng 8 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Điều 2. Quyết định này được thực hiện thống

nhất trong cả nước và có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan quản lý tài chính của Trung ương Đảng, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các doanh nghiệp, các chủ đầu tư, các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng

NGUYỄN HỒNG QUÂN

QUY ĐỊNH Quản lý chất lượng công trình xây dựng

(ban hành kèm theo Quyết định số 18/2003/QĐ-BXD ngày 27/6/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng).

Chương 1**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định nội dung công tác quản lý chất lượng của các tổ chức, cá nhân hoạt động tư vấn đầu tư và xây dựng, doanh nghiệp xây dựng, ban quản lý dự án đầu tư xây dựng, chủ đầu tư và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong công tác khảo sát, thiết kế, xây lắp, nghiệm thu, bàn giao công trình, bảo hành xây lắp, bảo trì các công trình thuộc các dự án xây

dựng mới (kể cả các công trình phụ trợ, công trình tạm, công trình phục vụ khởi công), cải tạo, sửa chữa nâng cấp, không phân biệt nguồn vốn, hình thức sở hữu.

Điều 2. Giải thích từ ngữ.

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chất lượng công trình xây dựng* là những yêu cầu về an toàn, bền vững, kỹ thuật và mỹ thuật của công trình phù hợp với Quy chuẩn và tiêu chuẩn xây dựng, các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và hợp đồng giao nhận thầu xây dựng.

2. *Khảo sát xây dựng* là hoạt động thị sát, do vẽ, thăm dò, thu thập, phân tích và tổng hợp những tài liệu và số liệu về điều kiện tự nhiên của vùng, địa điểm xây dựng để phục vụ thiết kế.

3. *Thiết kế sơ bộ* là các tài liệu thể hiện bằng thuyết minh và bản vẽ về quy hoạch, kiến trúc, kết cấu, bố trí hệ thống kỹ thuật và công nghệ, cụ thể hóa các yếu tố đã nêu trong nội dung chủ yếu của báo cáo nghiên cứu khả thi. Thiết kế sơ bộ được phê duyệt cùng báo cáo nghiên cứu khả thi là căn cứ để lập, thẩm định và xét duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công.

4. *Thiết kế kỹ thuật (thiết kế triển khai)* là các tài liệu thể hiện bằng thuyết minh và bản vẽ được triển khai trên cơ sở thiết kế sơ bộ được duyệt cùng báo cáo nghiên cứu khả thi. Hồ sơ thiết kế kỹ thuật phải bảo đảm đủ điều kiện để lập tổng dự toán, hồ sơ mời thầu và lập bản vẽ thi công.

5. *Thiết kế bản vẽ thi công (thiết kế chi tiết)* là các tài liệu thể hiện bằng bản vẽ được lập trên cơ sở thiết kế kỹ thuật đã được duyệt. Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công phải thể hiện được các chi tiết kiến trúc, kết cấu, hệ thống kỹ thuật công trình (cấp điện, cấp nước, thoát nước, cấp hơi, điều hòa không khí...) và công nghệ để doanh nghiệp xây dựng thực hiện thi công.

6. *Thẩm tra thiết kế* là công việc kiểm tra lại thiết kế của tổ chức tư vấn xây dựng thực hiện theo các yêu cầu của chủ đầu tư đối với thiết kế công trình do một tổ chức tư vấn thiết kế khác lập.

7. *Thẩm định thiết kế* là công việc của người có thẩm quyền tổ chức kiểm tra điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn, cá nhân thiết kế; kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công; kiểm tra sự phù hợp giữa các nội dung của hồ sơ thiết kế kỹ thuật với thiết kế sơ bộ và các nội dung đã được phê duyệt trong quyết định đầu tư; đánh giá sự hợp lý của giải pháp thiết kế để làm cơ sở phê duyệt thiết kế kỹ thuật.

8. *Giám sát tác giả* là công việc kiểm tra, giải thích hoặc xử lý những vướng mắc, thay đổi, phát sinh tại hiện trường nhằm đảm bảo việc thi công xây dựng theo đúng thiết kế và bảo vệ quyền tác giả thiết kế của tổ chức tư vấn lập thiết kế kỹ thuật thực hiện tại hiện trường trong quá trình xây dựng.

9. *Giám sát thi công xây lắp của chủ đầu tư* là hoạt động theo dõi thường xuyên, liên tục, có hệ thống tại hiện trường của chủ đầu tư để quản lý khối lượng, chất lượng, tiến độ các công tác xây lắp do doanh nghiệp xây dựng thực hiện theo hợp đồng giao nhận thầu xây dựng, theo thiết kế bản vẽ thi công hoặc thiết kế kỹ thuật thi công đã được phê duyệt, Quy chuẩn và tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng.

10. *Kiểm định chất lượng thi công xây lắp* là hoạt động kiểm tra, thử nghiệm, định lượng một hay nhiều tính chất của sản phẩm hoặc công trình xây dựng, so sánh với quy định của thiết kế và tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng của tổ chức tư vấn.

11. *Giám định chất lượng công trình xây dựng* là hoạt động của cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, trên

cơ sở Quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng, văn bản quy phạm pháp luật và kết quả kiểm định chất lượng để đánh giá, kết luận về chất lượng của sản phẩm hoặc công trình xây dựng.

12. *Bản vẽ hoàn công* là bản vẽ phản ánh kết quả thực hiện thi công xây lắp do doanh nghiệp xây dựng lập trên cơ sở thiết kế bản vẽ thi công hoặc thiết kế kỹ thuật thi công đã được phê duyệt và kết quả đo kiểm các sản phẩm xây lắp đã thực hiện tại hiện trường được chủ đầu tư xác nhận.

13. *Bảo hành công trình* là công việc sửa chữa các hư hỏng công trình xảy ra trong thời hạn bảo hành của doanh nghiệp xây dựng thi công công trình.

14. *Bảo trì công trình* là công việc duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ, sửa chữa vừa, sửa chữa lớn do chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình thực hiện nhằm đảm bảo cho công trình sử dụng, vận hành an toàn theo quy trình vận hành do người thiết kế và nhà chế tạo quy định.

Điều 3. Phân cấp quản lý về chất lượng công trình xây dựng.

1. Bộ Xây dựng:

Thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trong phạm vi cả nước, có trách nhiệm:

a) Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng trong công tác khảo sát, thiết kế, thi công xây lắp, nghiệm thu, bàn giao công trình, bảo hành xây lắp, bảo trì công trình; thỏa thuận để các Bộ có công trình xây dựng chuyên ngành, Bộ quản lý chuyên ngành kỹ thuật ban hành các quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành và quản lý chất lượng chuyên ngành kỹ thuật trong công trình.

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

c) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng của chủ đầu tư, tổ chức tư vấn thực hiện thiết kế và doanh nghiệp xây dựng đối với các công trình thuộc dự án nhóm A. Trực tiếp tổ chức kiểm tra chất lượng công trình trong cả nước khi cần thiết.

d) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về việc giám định chất lượng công trình xây dựng theo phân cấp của Chính phủ;

e) Tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ định kỳ 6 tháng, 1 năm về chất lượng công trình xây dựng theo quy định.

Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, Vụ Khảo sát, thiết kế xây dựng và các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Xây dựng giúp Bộ trưởng Bộ Xây dựng thực hiện trách nhiệm trên.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng tại địa phương có trách nhiệm:

- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng tại địa phương.

- Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng của chủ đầu tư, tư vấn thiết kế và doanh nghiệp xây dựng đối với các công trình thuộc dự án đầu tư nhóm B, C do địa phương quản lý. Trực tiếp tổ chức kiểm tra chất lượng công trình tại địa phương khi cần thiết.

- Xử lý các vi phạm về chất lượng công trình xây dựng và giám định sự cố công trình xây dựng tại địa phương theo phân cấp tại Điều 25 của Quy định này.

- Tổng hợp và báo cáo Bộ Xây dựng định kỳ 6 tháng về tình hình chất lượng các công trình xây dựng do địa phương quản lý (mẫu báo cáo theo Phụ lục 27 của Quy định này).

- Phân cấp quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng đối với các dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã quyết định đầu tư.

Sở Xây dựng là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện trách nhiệm trên.

Tùy theo tính chất của dự án, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cho Sở Xây dựng hoặc Sở có công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán công trình xây dựng do địa phương quản lý; hướng dẫn, kiểm tra công tác thẩm định thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán công trình xây dựng theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng tại địa phương;

b) Các Sở có công trình xây dựng chuyên ngành có nhiệm vụ quản lý ngành tại địa phương về chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành, có trách nhiệm:

- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành tại địa phương.

- Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành của chủ đầu tư, tổ chức tư vấn thiết kế và doanh nghiệp xây dựng đối với các công trình chuyên ngành thuộc dự án đầu tư nhóm B, C do địa phương quản lý. Trực tiếp tổ chức kiểm tra chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành tại địa phương khi cần thiết.

- Kiến nghị xử lý các vi phạm về chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành; phối hợp với Sở Xây dựng để giải quyết sự cố công trình xây dựng chuyên ngành do địa phương quản lý.

- Báo cáo định kỳ 06 tháng về tình hình chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý ngành của Sở gửi về Sở Xây dựng (mẫu báo cáo theo Phụ lục 28 của Quy định này) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Xây dựng.

3. Bộ có công trình xây dựng chuyên ngành bao gồm Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Bộ Bưu chính, Viễn thông có trách nhiệm:

a) Ban hành các quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành sau khi có thỏa thuận với Bộ Xây dựng.

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý chất lượng đối với các công trình xây dựng chuyên ngành do Bộ quản lý trên phạm vi cả nước.

c) Thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán công trình xây dựng chuyên ngành theo phân công của Chính phủ; hướng dẫn, kiểm tra công tác thẩm định, thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng đối với các công trình chuyên ngành do Bộ quản lý;

d) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất công tác quản lý chất lượng của chủ đầu tư, tư vấn thiết kế và doanh nghiệp xây dựng đối với các công trình chuyên ngành do Bộ quản lý. Khi cần thiết, trực tiếp tổ chức kiểm tra chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành thuộc Bộ quản lý. Kiến nghị xử lý các vi phạm về chất lượng công trình xây dựng. Riêng đối với công trình thuộc dự án nhóm A cần có sự phối hợp với Bộ Xây dựng khi thực hiện các công việc trên.

e) Báo cáo định kỳ 6 tháng về chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành gửi Bộ Xây dựng (mẫu báo cáo theo Phụ lục 28 của Quy định này) để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4. Bộ chuyên ngành kỹ thuật bao gồm các Bộ, cơ quan ngang Bộ có chức năng quản lý nhà nước về chuyên ngành kỹ thuật như phòng chống cháy, nổ; an toàn môi trường; an toàn lao động; an toàn công nghiệp; an toàn đê điều; an toàn giao thông; bưu điện; an ninh; quốc phòng có trách nhiệm:

a) Ban hành các quy định quản lý chất lượng chuyên ngành kỹ thuật trong các công trình xây dựng sau khi có thỏa thuận với Bộ Xây dựng.

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý chất lượng chuyên ngành kỹ thuật trong các công trình xây dựng trên phạm vi cả nước.

c) Tham gia với cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng (theo phân cấp tại các khoản 1, 2 của Điều này) để kiểm tra chất lượng trong lĩnh vực chuyên ngành kỹ thuật như phòng chống cháy, nổ; an toàn môi trường; an toàn lao động; an toàn công nghiệp; an toàn đô thị; an toàn giao thông; bưu điện đối với từng loại công trình có yêu cầu.

5. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan quản lý tài chính của Trung ương Đảng, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, của các tổ chức chính trị - xã hội (được xác định trong Luật Ngân sách nhà nước) có dự án đầu tư và được giao vốn để quản lý đầu tư xây dựng công trình theo dự án được duyệt (gọi là Bộ có dự án) có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện theo các quy định quản lý chất lượng đối với các công trình xây dựng thuộc Bộ quản lý thông qua cơ quan có chức năng của Bộ, hoặc tổ chức quản lý điều hành dự án có đủ năng lực theo quy định của pháp luật.

b) Thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán công trình xây dựng theo phân công của Chính phủ; hướng dẫn, kiểm tra công tác thẩm định, thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán công trình xây dựng theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng đối với các công trình do Bộ quản lý.

c) Phối hợp với Bộ Xây dựng kiểm tra công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng của chủ đầu tư, tổ chức tư vấn thiết kế và doanh nghiệp xây dựng; theo dõi, phát hiện và kiến nghị xử lý

các vi phạm về chất lượng công trình đối với các công trình xây dựng thuộc Bộ quản lý đồng thời thông báo cho Sở Xây dựng và các Sở có công trình xây dựng chuyên ngành tại địa phương biết để phối hợp.

d) Báo cáo định kỳ 6 tháng về chất lượng công trình xây dựng gửi Bộ Xây dựng (mẫu báo cáo theo Phụ lục 28 của Quy định này) để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Trách nhiệm về chất lượng công trình của chủ đầu tư, tổ chức tư vấn đầu tư và xây dựng, doanh nghiệp xây dựng

1. Đối với chủ đầu tư:

a) Chịu trách nhiệm toàn bộ về chất lượng của công trình xây dựng thuộc dự án do mình quản lý.

b) Thực hiện theo quy định tại Điều 14, khoản 1 Điều 46 của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 và các nội dung có liên quan tại Quy định này.

c) Chỉ được ký hợp đồng giao nhận thầu xây dựng với các tổ chức tư vấn đầu tư và xây dựng, doanh nghiệp xây dựng có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo quy định.

d) Phải thuê tổ chức tư vấn thực hiện giám sát thi công xây lắp khi chủ đầu tư không đủ điều kiện năng lực theo quy định.

e) Báo cáo định kỳ 6 tháng về chất lượng công trình (mẫu báo cáo theo Phụ lục 21 của Quy định này) gửi cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng (theo phân cấp tại Điều 3 của Quy định này).

2. Đối với tổ chức và cá nhân thực hiện khảo sát, thiết kế:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về các nội dung đã cam kết trong hợp đồng, bao gồm cả số lượng, chất lượng, thời gian

thực hiện, tính chính xác của sản phẩm và chất lượng sản phẩm khảo sát, thiết kế của mình;

b) Phải thực hiện theo quy định tại Điều 15, khoản 2 Điều 46 của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 và khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ và các nội dung có liên quan tại Quy định này.

3. Đối với doanh nghiệp xây dựng:

a) Phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng, an toàn công tác thi công xây lắp của công trình đang thi công và an toàn của các công trình lân cận.

b) Thực hiện theo quy định tại Điều 16, khoản 3 Điều 46 của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 và khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ và nội dung có liên quan của Quy định này.

4. Nhà nước khuyến khích áp dụng mô hình quản lý chất lượng dựa trên tiêu chuẩn TCVN ISO 9000:2000.

Chương 2

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG KHẢO SÁT XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 5. Khảo sát xây dựng.

1. Các công trình phải được thực hiện khảo sát xây dựng tại địa điểm xây dựng công trình.

2. Khảo sát xây dựng phải được thực hiện theo tiêu chuẩn kỹ thuật về khảo sát và nhiệm vụ khảo sát do chủ đầu tư phê duyệt. Phương án kỹ thuật khảo sát phải phù hợp với từng giai đoạn thiết kế (thiết kế sơ bộ, thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công), đặc điểm công trình

(phản ánh trong yêu cầu kỹ thuật khảo sát xây dựng) và phù hợp với điều kiện tự nhiên của vùng dự kiến xây dựng. Hồ sơ khảo sát phải được xác định đúng với vị trí xây dựng, phản ánh đúng hiện trạng mặt bằng xây dựng, địa hình tự nhiên, địa chất công trình, điều kiện khí tượng thủy văn và môi trường, phù hợp với Quy chuẩn xây dựng và tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng. Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng phải được chủ đầu tư đánh giá, nghiệm thu, lập thành biên bản.

3. Tổ chức thực hiện khảo sát xây dựng có trách nhiệm phối hợp với chủ đầu tư giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình khảo sát xây dựng để đảm bảo chất lượng hồ sơ khảo sát xây dựng, độ chính xác và độ tin cậy của các số liệu phục vụ công tác thiết kế.

4. Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng:

a) Nội dung chủ yếu của báo cáo khảo sát xây dựng bao gồm:

- Cơ sở và phương pháp khảo sát;

- Tổng hợp, phân tích số liệu, đánh giá kết quả khảo sát;

- Kết luận về kết quả khảo sát và kiến nghị.

b) Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng phải đáp ứng được những yêu cầu của nhiệm vụ khảo sát phù hợp với các bước thiết kế tương ứng, kiến nghị về việc xử lý nền móng công trình xây dựng và việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường xung quanh để tổ chức tư vấn thiết kế, doanh nghiệp xây dựng và chủ đầu tư lưu ý khi thiết kế, xây dựng, sử dụng công trình.

c) Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng phải lập 6 bộ và phải được chủ đầu tư kiểm tra, nghiệm thu theo Điều 7 của Quy định này và là cơ sở pháp lý để thực hiện thiết kế.

5. Chủ đầu tư xem xét, quyết định việc khảo sát bổ sung do tổ chức tư vấn thiết kế đề nghị.

Điều 6. Thiết kế xây dựng công trình.

1. Các công trình xây dựng phải được thiết kế thể hiện bằng bản vẽ theo quy định.

2. Công trình được thiết kế theo ba bước: thiết kế sơ bộ, thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công. Đối với công trình kỹ thuật đơn giản hoặc đã có thiết kế mẫu, xử lý nền móng không phức tạp thì chỉ thực hiện thiết kế hai bước: thiết kế sơ bộ và thiết kế kỹ thuật - thi công.

Nội dung các bước thiết kế được quy định tại Phụ lục 1 của Quy định này.

3. Sản phẩm thiết kế phải phù hợp với Quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng được áp dụng, nhiệm vụ thiết kế và hợp đồng giao nhận thầu thiết kế.

4. Sản phẩm thiết kế phải được chủ đầu tư đánh giá, nghiệm thu theo Điều 7 của Quy định này.

5. Các tổ chức tư vấn thiết kế không được chỉ định nơi sản xuất, cung ứng các loại vật liệu hay vật tư kỹ thuật.

6. Đồ án thiết kế chỉ được thực hiện khi chủ nhiệm thiết kế và các chủ trì thiết kế có đủ năng lực theo quy định của Bộ Xây dựng. Người chủ nhiệm thiết kế và các chủ trì thiết kế phải chịu trách nhiệm cá nhân về chất lượng sản phẩm do mình thực hiện.

7. Tổ chức tư vấn thiết kế phải có hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm thiết kế để kiểm soát chất lượng sản phẩm thiết kế.

8. Tổ chức tư vấn lập thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công phải thực hiện giám sát tác giả trong quá trình thi công xây lắp theo Điều 17 của Quy định này.

9. Tổ chức tư vấn thiết kế công trình xây dựng chuyên ngành ngoài việc phải thực hiện các quy định tại các khoản nêu trên của Điều này, còn phải tuân thủ quy định về nội dung sản phẩm thiết kế công trình xây dựng chuyên ngành.

10. Tổ chức tư vấn thiết kế không được giao thầu lại toàn bộ hợp đồng hoặc phần chính của nội dung hợp đồng cho một tổ chức tư vấn thiết kế khác.

Điều 7. Nghiệm thu sản phẩm khảo sát xây dựng, thiết kế

1. Việc nghiệm thu sản phẩm khảo sát xây dựng (Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng), sản phẩm thiết kế (hồ sơ thiết kế) trên cơ sở các tài liệu sau:

a) Hợp đồng giao nhận thầu khảo sát xây dựng, thiết kế.

b) Nhiệm vụ khảo sát xây dựng, thiết kế.

c) Quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng được áp dụng.

d) Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế của tổ chức tư vấn thẩm tra thiết kế (nếu có).

2. Kết quả nghiệm thu phải lập thành biên bản theo mẫu Phụ lục 2, 3 của Quy định này.

3. Biên bản nghiệm thu sản phẩm khảo sát xây dựng, nghiệm thu thiết kế phải nêu rõ những sai sót (nếu có), thời gian khắc phục và yêu cầu bổ sung, sửa chữa báo cáo khảo sát xây dựng, hồ sơ thiết kế, đồng thời kết luận về chất lượng khảo sát xây dựng, thiết kế.

4. Biên bản nghiệm thu sản phẩm khảo sát xây dựng, nghiệm thu thiết kế là thành phần của hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt các bước thiết kế tương ứng.

Điều 8. Thẩm tra thiết kế kỹ thuật

1. Chủ đầu tư phải thuê tổ chức tư vấn không trực tiếp thiết kế thực hiện thẩm tra thiết kế kỹ thuật đối với các công trình thuộc dự án: dầu khí, hóa chất, cầu, cảng biển, cảng sông, đê, đập nước, hồ chứa nước, công trình cao tầng, trường học, bệnh viện, nhà thi đấu, khán đài sân vận động, rạp chiếu bóng, nhà hát và những công trình tập

trung đông người, những công trình khi bị sự cố có thể xảy ra thảm họa. Đối với các công trình thuộc các loại dự án khác do chủ đầu tư tự quyết định thực hiện thẩm tra.

2. Nội dung thẩm tra thiết kế kỹ thuật chủ yếu về mức độ an toàn của công trình và các nội dung khác mà chủ đầu tư yêu cầu.

3. Các bản vẽ đã được chấp thuận phải có chữ ký, dấu xác nhận của đại diện tổ chức tư vấn thẩm tra thiết kế. Mẫu dấu chấp thuận thẩm tra thiết kế theo quy định tại Phụ lục 25 của Quy định này.

4. Việc thẩm tra thiết kế kỹ thuật không làm giảm nhẹ trách nhiệm của nhà thầu thiết kế.

5. Trường hợp kết quả thẩm tra thiết kế không phát hiện được những sai sót lớn buộc tổ chức thiết kế phải lập lại thiết kế kỹ thuật thì chủ đầu tư phải chịu chi phí thẩm tra. Trường hợp kết quả thẩm tra thiết kế phát hiện được những sai sót lớn buộc tổ chức thiết kế phải lập lại thiết kế kỹ thuật thì tổ chức tư vấn thiết kế phải chịu chi phí thẩm tra này.

Điều 9. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công.

Hồ sơ thiết kế kỹ thuật do chủ đầu tư trình thẩm định, phê duyệt bao gồm:

1. Tờ trình thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật lập theo mẫu Phụ lục 4, 6 của Quy định này;

2. Bản sao quyết định phê duyệt dự án đầu tư kèm theo hồ sơ thiết kế sơ bộ đã được duyệt cùng dự án;

3. Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng có đủ nội dung nêu tại khoản 2 Điều 5 của Quy định này;

4. Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công được lập theo Phụ lục 1 của Quy định này;

5. Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế đối với các công trình thuộc dự án đã quy định tại khoản 1 Điều 8 của Quy định này;

6. Biên bản nghiệm thu sản phẩm khảo sát xây dựng, thiết kế lập theo mẫu Phụ lục 2, 3 của Quy định này;

7. Các văn bản chấp thuận của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về an toàn môi trường, an toàn phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động, an toàn dề điều, an toàn giao thông và các yêu cầu có liên quan.

Điều 10. Thẩm định thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công.

1. Nội dung thẩm định thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công:

a) Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức tư vấn, cá nhân thực hiện thiết kế.

b) Sự phù hợp của thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công với thiết kế sơ bộ và các nội dung trong báo cáo khả thi đã được phê duyệt về quy hoạch, kiến trúc, quy mô xây dựng, công nghệ, công suất thiết kế, cấp công trình, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng;

c) Giải pháp bảo vệ môi trường, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động, an toàn dề điều, an toàn giao thông và các yêu cầu có liên quan.

d) Sự hợp lý của giải pháp thiết kế kỹ thuật bao gồm:

- Sự hợp lý của giải pháp thiết kế nền, móng với đặc điểm địa chất công trình, thủy văn, địa chất thủy văn nơi đặt công trình; sự phù hợp của giải pháp kết cấu với thiết kế kiến trúc (đối với công trình có hồ sơ thiết kế kiến trúc) và với công năng của công trình;

- Sự hợp lý và đồng bộ của giải pháp thiết kế hệ thống kỹ thuật.

2. Kết quả thẩm định được thể hiện bằng văn bản theo mẫu tại Phụ lục 5 của Quy định này. Các bản vẽ thiết kế kỹ thuật được chấp thuận phải có dấu xác nhận đã thẩm định thiết kế theo mẫu tại Phụ lục 25 của Quy định này.

Điều 11. Thẩm quyền thẩm định thiết kế kỹ thuật:

1. Công trình thuộc các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A:

a) Đối với công trình thuộc dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

- Bộ Xây dựng thẩm định thiết kế kỹ thuật các công trình thuộc các dự án quan trọng quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư; các công trình thuộc dự án nhóm A do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các doanh nghiệp quyết định đầu tư.

- Riêng các công trình xây dựng chuyên ngành: công trình xây dựng thủy lợi, nông nghiệp, lâm nghiệp do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; công trình xây dựng giao thông do Bộ Giao thông vận tải; công trình xây dựng hầm mỏ, nhà máy phát điện, đường dây tải điện và trạm biến áp, do Bộ Công nghiệp; công trình xây dựng bưu chính viễn thông mà phần công nghệ chuyên ngành là chủ yếu do Bộ Bưu chính, Viễn thông; công trình an ninh, quốc phòng và bảo vệ bí mật quốc gia do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật.

b) Đối với công trình thuộc dự án sử dụng vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước: các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp có dự án tự tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật.

c) Đối với công trình thuộc dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước, vốn do doanh nghiệp tự huy động và vốn tín dụng

thương mại không do Nhà nước bảo lãnh: doanh nghiệp tự tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật.

2. Công trình thuộc dự án nhóm B, C:

a) Đối với công trình thuộc dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước:

- Đối với công trình do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương quản lý: cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý xây dựng của cấp quyết định đầu tư thẩm định thiết kế kỹ thuật.

- Đối với các công trình do địa phương quản lý: Sở Xây dựng hoặc Sở có công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định thiết kế kỹ thuật (tùy theo tính chất của dự án).

- Đối với các công trình thuộc dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã quyết định đầu tư theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật.

b) Đối với công trình do các doanh nghiệp đầu tư bằng mọi nguồn vốn, doanh nghiệp tự tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật.

3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định thiết kế công nghệ đối với công trình có thiết kế công nghệ không phân biệt nguồn vốn.

4. Người có thẩm quyền thẩm định thiết kế kỹ thuật phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thẩm định quy định tại khoản 1 Điều 10 của Quy định này.

Điều 12. Thẩm quyền phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công.

1. Đối với các công trình xây dựng (không phân biệt nguồn vốn, hình thức sở hữu) người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt hoặc được phép ủy quyền cho cấp dưới phê duyệt thiết kế kỹ

thuật nhưng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự ủy quyền đó. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật và người ủy quyền.

2. Đối với các công trình thuộc dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã quyết định đầu tư theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt thiết kế kỹ thuật.

3. Nội dung quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công được quy định theo Điều 38 khoản 2 của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ. Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật được lập theo mẫu Phụ lục 7 của Quy định này.

4. Đối với các dự án nhóm A nếu chưa có thiết kế kỹ thuật được duyệt nhưng cần thiết khởi công thì phải có thiết kế bản vẽ thi công của hạng mục khởi công được người có thẩm quyền phê duyệt và hợp đồng giao nhận thầu hợp pháp. Chậm nhất sau khi thực hiện được 30% tổng mức đầu tư phải có thiết kế kỹ thuật được người có thẩm quyền phê duyệt.

5. Người có thẩm quyền phê duyệt thiết kế kỹ thuật phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung phê duyệt quy định tại Điều 38 của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ.

Điều 13. Thẩm quyền phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công.

1. Đối với công trình được thiết kế ba bước, thiết kế bản vẽ thi công phải được phê duyệt. Thẩm quyền phê duyệt được quy định như sau:

a) Đối với các công trình thuộc các dự án đầu tư và xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước,

vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, căn cứ mức độ phức tạp về kỹ thuật của hạng mục công trình và trình độ năng lực, bộ máy chuyên môn của chủ đầu tư, người có thẩm quyền phê duyệt thiết kế kỹ thuật được ủy quyền cho chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công các hạng mục công trình phù hợp với thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt.

b) Đối với các công trình sử dụng các nguồn vốn khác, chủ đầu tư chịu trách nhiệm phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công.

c) Các thiết kế bản vẽ thi công phải có dấu phê duyệt của chủ đầu tư theo mẫu tại Phụ lục 25 của Quy định này.

2. Trường hợp khi lập thiết kế bản vẽ thi công hạng mục công trình có thay đổi so với thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt thì chủ đầu tư phải trình cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận.

3. Trong quá trình thi công, chủ đầu tư chỉ được phép thay đổi thiết kế sau khi đã được người có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép. Trường hợp cần thiết phải xử lý kịp thời thì chủ đầu tư được phép thay đổi thiết kế và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Chủ đầu tư phải báo cáo kết quả xử lý các thay đổi thiết kế với người có thẩm quyền quyết định đầu tư.

Chương 3

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THI CÔNG XÂY LẮP

Điều 14. Công tác giám sát trong quá trình thi công xây lắp.

Chủ đầu tư (Ban quản lý dự án hoặc tổ chức tư vấn giám sát thi công được chủ đầu tư thuê), tổ chức tư vấn thiết kế và doanh nghiệp xây dựng

phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định và phải có các bộ phận chuyên trách đảm bảo duy trì hoạt động giám sát một cách có hệ thống toàn bộ quá trình thi công xây lắp công trình từ khi khởi công xây dựng đến khi hoàn thành nghiệm thu và bàn giao toàn bộ công trình theo Quy định này.

Điều 15. Quản lý chất lượng thi công xây lắp của doanh nghiệp xây dựng (bên B).

1. Doanh nghiệp xây dựng phải thực hiện các công việc sau:

a) Lập hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với yêu cầu hợp đồng giao nhận thầu xây dựng, trong đó bộ phận giám sát chất lượng bao gồm những người có đủ năng lực theo quy định.

b) Báo cáo đầy đủ quy trình, phương án và kết quả tự kiểm tra chất lượng vật liệu, cấu kiện và sản phẩm xây dựng với chủ đầu tư (bên A) để kiểm tra và giám sát.

c) Kiểm tra vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ trước khi xây dựng và lắp đặt vào công trình.

d) Nghiệm thu nội bộ và lập bản vẽ hoàn công các công tác thi công xây lắp, giai đoạn xây lắp, chạy thử thiết bị, hạng mục công trình hoàn thành và công trình hoàn thành.

e) Chuẩn bị hồ sơ nghiệm thu theo quy định và đề nghị chủ đầu tư (bên A) tổ chức nghiệm thu sản phẩm các công tác thi công xây lắp, giai đoạn xây lắp, chạy thử thiết bị, hạng mục công trình hoàn thành và công trình hoàn thành sau khi đã nghiệm thu nội bộ.

f) Báo cáo bên A về tiến độ, chất lượng, khối lượng thi công xây lắp.

2. Khi thực hiện hợp đồng EPC, tổng thầu EPC có trách nhiệm:

a) Thực hiện các việc nêu tại các điểm a, b, c, d, f khoản 1 của Điều này.

b) Chuẩn bị hồ sơ nghiệm thu theo quy định và đề nghị bên A tổ chức nghiệm thu giai đoạn xây lắp, chạy thử thiết bị, hạng mục công trình hoàn thành và công trình hoàn thành sau khi đã nghiệm thu nội bộ.

Điều 16. Quản lý chất lượng thi công xây lắp của chủ đầu tư (bên A).

Để đảm bảo chất lượng công trình xây dựng, chủ đầu tư phải thực hiện các công việc sau:

1. Giai đoạn chuẩn bị thi công:

a) Kiểm tra các điều kiện khởi công công trình;

b) Lập hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với yêu cầu của dự án. Bộ phận giám sát chất lượng bao gồm những người có đủ năng lực theo quy định;

c) Kiểm tra điều kiện năng lực xây dựng của các doanh nghiệp xây dựng (thầu chính/ tổng thầu, thầu phụ);

d) Kiểm tra, nghiệm thu và phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công.

2. Giai đoạn thực hiện thi công xây lắp:

a) Kiểm tra hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với yêu cầu nêu trong hợp đồng giao nhận thầu xây dựng, quy trình và phương án tự kiểm tra chất lượng của doanh nghiệp xây dựng;

b) Kiểm tra sự phù hợp về thiết bị thi công và nhân lực của doanh nghiệp xây dựng được chọn với hồ sơ dự thầu;

c) Kiểm tra vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng tại hiện trường thông qua chứng chỉ chất lượng của nơi sản xuất và kết quả thí nghiệm do các phòng thí nghiệm hợp chuẩn thực hiện;

d) Kiểm tra thiết bị công trình và thiết bị công nghệ trước khi lắp đặt trong công trình thông qua

chứng chỉ chất lượng của nơi sản xuất thiết bị và kết quả kiểm định chất lượng thiết bị do các tổ chức có tư cách pháp nhân được Nhà nước quy định thực hiện;

e) Kiểm tra biện pháp thi công, biện pháp an toàn lao động cho công trình và an toàn cho các công trình lân cận do doanh nghiệp xây dựng lập;

f) Kiểm tra về chất lượng, khối lượng, tiến độ xây dựng các công việc (xây, lắp), từng bộ phận, giai đoạn xây lắp, từng hạng mục công trình và công trình để thực hiện nghiệm thu theo quy định tại Điều 18 của Quy định này;

g) Tổ chức kiểm định sản phẩm xây dựng khi cần thiết. Số lượng mẫu kiểm định này không được vượt quá 5% số lượng mẫu kiểm định phải thực hiện theo quy định của các tiêu chuẩn kỹ thuật và không ít hơn 3 mẫu;

h) Kiểm tra và xác nhận bản vẽ hoàn công từng công việc, từng bộ phận, từng giai đoạn, từng hạng mục công trình và công trình đưa vào sử dụng;

i) Tập hợp, kiểm tra và trình cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng (theo phân cấp tại Điều 3 của Quy định này) hồ sơ, tài liệu nghiệm thu trước khi tổ chức nghiệm thu giai đoạn xây lắp, nghiệm thu thiết bị chạy thử tổng hợp, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình đối với các công trình đã nêu tại khoản 1 Điều 8 của Quy định này. Danh mục hồ sơ, tài liệu nghiệm thu được quy định theo Phụ lục 20 của Quy định này;

k) Lập báo cáo thường kỳ và định kỳ 6 tháng về chất lượng, khối lượng và tiến độ các công tác xây lắp;

l) Chủ trì phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong thi công;

m) Khi phát hiện thiết bị thi công, nhân lực, vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình và thiết bị công nghệ không phù hợp hợp đồng giao nhận thầu thì được quyền:

- Yêu cầu doanh nghiệp xây dựng phải sử dụng thiết bị thi công, nhân lực theo đúng cam kết đã nêu trong hợp đồng giao nhận thầu xây lắp;

- Không cho phép đưa vào sử dụng trong công trình những vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị không phù hợp với tiêu chuẩn về chất lượng, quy cách; không phù hợp với công nghệ; chưa qua kiểm tra, kiểm định;

- Dừng thi công và lập biên bản khi bên B vi phạm các điều kiện bảo đảm chất lượng công trình, an toàn thi công xây lắp và vệ sinh môi trường;

- Từ chối nghiệm thu các sản phẩm của công tác thi công xây lắp, các giai đoạn xây lắp, chạy thử thiết bị không đảm bảo chất lượng. Lý do từ chối phải thể hiện bằng văn bản;

n) Trước khi nghiệm thu những bộ phận, hạng mục công trình hoặc công trình, nếu phát hiện các dấu hiệu không đảm bảo chất lượng thì chủ đầu tư phải thuê tổ chức tư vấn kiểm định chất lượng đánh giá để làm cơ sở nghiệm thu.

3. Khi thực hiện hợp đồng EPC, chủ đầu tư có trách nhiệm:

a) Thực hiện các việc quy định tại các khoản 1, 2 của Điều này trừ việc nghiệm thu công việc.

b) Quyết định tiến độ nghiệm thu các giai đoạn xây lắp, nghiệm thu thiết bị chạy thử tổng hợp, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình và hoàn thành công trình.

4. Khi không đủ điều kiện năng lực, chủ đầu tư có thể thuê tổ chức tư vấn giám sát thực hiện toàn bộ hoặc một số công việc nêu tại Điều này.

Điều 17. Giám sát tác giả của tổ chức tư vấn lập thiết kế kỹ thuật.

Trong quá trình thi công xây lắp, tổ chức tư vấn lập thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công (kể cả khi là thầu phụ của tổng thầu EPC) phải thực hiện giám sát tác giả gồm các công việc sau:

1. Giải thích tài liệu thiết kế công trình cho chủ đầu tư, doanh nghiệp xây lắp để quản lý và thi công theo đúng yêu cầu của thiết kế.
2. Phối hợp giải quyết các vướng mắc, thay đổi, phát sinh về thiết kế trong quá trình thi công.
3. Kiểm tra công tác thi công xây lắp về sự phù hợp với thiết kế được duyệt.
4. Tham gia nghiệm thu các giai đoạn xây lắp, nghiệm thu chạy thử thiết bị, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình và toàn bộ công trình khi chủ đầu tư yêu cầu.
5. Thực hiện chế độ giám sát không thường xuyên trừ trường hợp thi công các kết cấu, các bộ phận, hạng mục công trình được thiết kế theo công nghệ tiên tiến và đối với giai đoạn thi công hoàn thiện.

Điều 18. Nghiệm thu công trình xây dựng.

1. Nghiệm thu công trình xây dựng bao gồm nghiệm thu từng công việc, từng bộ phận, từng giai đoạn, từng hạng mục công trình và công trình đưa vào sử dụng.

Tùy theo tính chất và yêu cầu đối tượng nghiệm thu, chủ đầu tư có thể tổ chức hội đồng nghiệm thu.

2. Các công việc (xây, lắp) do bên B thực hiện phải được bên A nghiệm thu. Các bộ phận bị che khuất của công trình phải được nghiệm thu và lập bản vẽ hoàn công trước khi tiến hành các công việc tiếp theo. Biên bản nghiệm thu công

việc được lập theo mẫu tại các Phụ lục 8, 9, 10, 11 của Quy định này.

3. Các giai đoạn xây lắp, thiết bị khi chạy thử tổng hợp sau khi lắp đặt phải được nghiệm thu trước khi triển khai giai đoạn xây lắp tiếp theo. Biên bản nghiệm thu được lập theo mẫu tại các Phụ lục số 13, 12 của Quy định này.

4. Các hạng mục công trình hoàn thành và công trình hoàn thành chỉ được đưa vào sử dụng khi đã được nghiệm thu. Biên bản nghiệm thu được lập theo mẫu tại Phụ lục số 14 của Quy định này.

Biên bản nghiệm thu hoàn thành xây dựng công trình là căn cứ pháp lý để chủ đầu tư làm thủ tục bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng, quyết toán vốn đầu tư và thực hiện đăng ký tài sản theo quy định của pháp luật.

5. Đối với những bộ phận, hạng mục công trình hoặc công trình có các yêu cầu phòng chống cháy nổ hoặc khi khai thác, sử dụng có tác động xấu đến môi trường và an toàn vận hành, khi nghiệm thu đưa vào sử dụng phải có văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý chuyên ngành kỹ thuật của Nhà nước về các yêu cầu nêu trên.

6. Khi chủ đầu tư hoặc nhà thầu là người nước ngoài tham gia xây dựng công trình (thiết kế, thi công xây dựng, cung cấp thiết bị, giám sát thi công xây dựng thì các biên bản nghiệm thu đều phải được thể hiện bằng 2 thứ tiếng (tiếng Việt Nam và tiếng nước ngoài do chủ đầu tư lựa chọn).

7. Cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng (theo phân cấp tại Điều 3 của Quy định này) hướng dẫn, kiểm tra sự tuân thủ quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng và công tác nghiệm thu của chủ đầu tư trước khi nghiệm thu giai đoạn xây lắp, nghiệm thu hoàn thành từng hạng mục công trình và công trình để đưa vào sử dụng đối với các công trình thuộc dự án phải thẩm tra thiết kế nêu tại khoản 1 Điều 8 của Quy định này.

Kết quả kiểm tra phải lập thành Biên bản được lập theo mẫu tại Phụ lục 19 của Quy định này.

8. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm nộp lưu trữ hồ sơ, tài liệu hoàn thành xây dựng công trình theo quy định của Nhà nước về lưu trữ hồ sơ, tài liệu (xem danh mục hồ sơ, tài liệu lưu trữ tại Phụ lục 30 của Quy định này).

9. Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu nhà nước về các công trình xây dựng.

Hội đồng nghiệm thu nhà nước có trách nhiệm kiểm tra xem xét công tác nghiệm thu của chủ đầu tư và trực tiếp nghiệm thu các công trình thuộc dự án nhóm A, các dự án quan trọng quốc gia khi thấy cần thiết và những công trình khác do Thủ tướng Chính phủ yêu cầu. Hội đồng nghiệm thu nhà nước lập Biên bản nghiệm thu công trình theo mẫu Phụ lục 18 của Quy định này.

Điều 19. Căn cứ để nghiệm thu.

Việc nghiệm thu từng công việc, giai đoạn xây lắp hoàn thành, hạng mục công trình và công trình hoàn thành để đưa vào sử dụng phải dựa vào các căn cứ sau:

1. Đối với các công việc xây, lắp hoàn thành:

a) Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được chủ đầu tư nghiệm thu và phê duyệt.

b) Báo cáo khảo sát xây dựng.

c) Các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng của Nhà nước và của ngành hiện hành.

d) Những điều khoản quy định về chất lượng và khối lượng công trình trong hợp đồng giao nhận thầu xây dựng.

e) Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình xây dựng.

f) Những quy định hoặc chỉ dẫn kỹ thuật của nhà sản xuất về việc bảo quản, sử dụng vật liệu xây dựng, thiết bị công nghệ.

g) Bản vẽ hoàn công công tác xây lắp được nghiệm thu.

2. Đối với các giai đoạn xây lắp hoàn thành, hạng mục công trình và toàn bộ công trình hoàn thành:

a) Các quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng của Nhà nước và của ngành hiện hành.

b) Biên bản của cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng kiểm tra hồ sơ nghiệm thu giai đoạn xây lắp, nghiệm thu thiết bị chạy thử tổng hợp, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình và hoàn thành công trình đối với các công trình thuộc dự án phải thẩm tra thiết kế nêu tại khoản 1 Điều 8 của Quy định này.

c) Báo cáo của chủ đầu tư, doanh nghiệp xây dựng, tổ chức tư vấn thiết kế và tổ chức tư vấn giám sát về chất lượng giai đoạn xây lắp hoàn thành, chất lượng thiết bị chạy thử tổng hợp, chất lượng hạng mục công trình hoàn thành và công trình hoàn thành lập theo mẫu tại các Phụ lục 21, 22, 23, 24.

d) Toàn bộ hồ sơ pháp lý và tài liệu quản lý chất lượng được lập theo danh mục nêu tại Phụ lục 20 của Quy định này.

Điều 20. Bản vẽ hoàn công

1. Doanh nghiệp xây dựng phải lập bản vẽ hoàn công khi nghiệm thu từng công việc, từng bộ phận, từng giai đoạn, từng hạng mục công trình và công trình đưa vào sử dụng.

2. Bản vẽ hoàn công phải được lập trên cơ sở bản vẽ thi công đã được chủ đầu tư phê duyệt có ghi ở dưới các số liệu thiết kế những số liệu tương ứng đã đạt được trong thực tế (kích thước,

trục, móc, cao trình...), những thay đổi về thiết kế và phải có xác nhận của những người lập, kiểm bản vẽ với quy định cụ thể sau:

a) Bản vẽ hoàn công công việc phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của cán bộ kỹ thuật A và B.

b) Bản vẽ hoàn công giai đoạn, từng hạng mục công trình và công trình đưa vào sử dụng phải có chữ ký, ghi rõ họ tên và dấu của đại diện doanh nghiệp xây dựng và của đại diện chủ đầu tư.

Điều 21. Quản lý hoạt động của các nhà thầu nước ngoài tham gia tư vấn, kiểm định, giám sát, đăng kiểm chất lượng.

1. Các nhà thầu nước ngoài tham gia tư vấn, kiểm định, giám sát, đăng kiểm chất lượng phải tuân thủ các nội dung quy định về công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng theo Quy định này và các cam kết trong hợp đồng giao nhận thầu về chất lượng các kết quả công việc được thực hiện, đồng thời phải chịu sự kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về các lĩnh vực kỹ thuật chuyên ngành.

Các kết quả do các nhà thầu nước ngoài nêu trên cung cấp theo hợp đồng giao nhận thầu là căn cứ để chủ đầu tư xem xét, đánh giá phục vụ việc nghiệm thu công trình theo Quy định này.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước về các lĩnh vực kỹ thuật chuyên ngành có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện tư vấn, kiểm định, giám sát, đăng kiểm chất lượng của các nhà thầu nước ngoài; khi cần thiết có thể tổ chức kiểm tra kết quả công việc do các nhà thầu nước ngoài thực hiện.

Chương 4

BẢO HÀNH CÔNG TRÌNH VÀ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH

Điều 22. Bảo hành công trình.

1. Trong giai đoạn bảo hành công trình chủ đầu tư phải thực hiện các công việc sau:

a) Kiểm tra tình trạng sử dụng công trình, phát hiện hư hỏng để yêu cầu sửa chữa;

b) Yêu cầu doanh nghiệp xây dựng thực hiện các trách nhiệm về bảo hành.

2. Doanh nghiệp xây dựng có nghĩa vụ thực hiện sửa chữa các hư hỏng do mình gây ra trong thời hạn bảo hành.

3. Doanh nghiệp xây dựng không chịu trách nhiệm bảo hành công trình trong các trường hợp sau:

a) Khi các hư hỏng công trình xây dựng trong thời hạn bảo hành không phải do lỗi của doanh nghiệp xây dựng gây ra.

b) Khi bộ phận, hạng mục hoặc công trình bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền buộc tháo dỡ do chủ đầu tư vi phạm pháp luật về xây dựng.

Điều 23. Bảo trì công trình.

1. Thời hạn bảo trì công trình:

a) Thời hạn bảo trì công trình được tính từ ngày nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng cho đến khi hết niên hạn sử dụng theo quy định về cấp công trình.

Trường hợp công trình vượt quá niên hạn sử dụng hoặc không đảm bảo yêu cầu chất lượng để tiếp tục sử dụng, phải có văn bản của tổ chức tư vấn thực hiện kiểm định đánh giá hiện trạng công trình làm cơ sở cho cơ quan quản lý có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Đối với các công trình xây dựng chuyên ngành, còn phải tuân thủ các quy định của Bộ có công trình xây dựng chuyên ngành về thời hạn bảo trì công trình.

2. Cấp bảo trì công trình:

a) Bảo trì công trình được quy định theo 04

cấp: duy tu, bảo dưỡng; sửa chữa nhỏ; sửa chữa vừa và sửa chữa lớn.

b) Đối với cấp duy tu, bảo dưỡng và cấp sửa chữa nhỏ: Chủ quản lý sử dụng công trình hoặc chủ sở hữu công trình lập kế hoạch bảo trì theo định kỳ hàng năm.

c) Đối với cấp sửa chữa vừa và cấp sửa chữa lớn có liên quan đến an toàn trong vận hành, khai thác, sử dụng công trình: Căn cứ vào quy mô của công việc, chủ quản lý sử dụng công trình hoặc chủ sở hữu công trình lập dự án đầu tư hoặc báo cáo đầu tư theo quy định của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ.

3. Trách nhiệm về bảo trì công trình:

a) Trường hợp được Nhà nước giao quyền quản lý sử dụng công trình, chủ quản lý sử dụng phải:

- Tuân thủ các chỉ dẫn kỹ thuật trong quy trình bảo trì của tổ chức tư vấn thực hiện thiết kế công trình khi vận hành khai thác, sử dụng;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc chất lượng công trình bị xuống cấp, không duy trì được khả năng chịu lực của kết cấu, bộ phận, hạng mục, công trình và vận hành không an toàn do không thực hiện bảo trì công trình theo quy định.

b) Trường hợp thông qua hợp đồng cho thuê để sử dụng công trình, người cho thuê sử dụng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc không thực hiện bảo trì công trình theo quy định.

Chương 5

SỰ CỐ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 24. Trình tự giải quyết sự cố công trình xây dựng.

1. Các công trình xây dựng thuộc mọi nguồn vốn đầu tư, hình thức sở hữu, đang thi công, đã xây dựng xong hoặc đang sử dụng khi xảy ra sự cố phải được giải quyết theo trình tự sau:

a) Khẩn cấp cứu người bị nạn (nếu có);

b) Có biện pháp ngăn chặn kịp thời để tránh nguy hiểm có thể tiếp tục xảy ra;

c) Bảo vệ hiện trường xảy ra sự cố trừ trường hợp khẩn cấp khắc phục hậu quả tại điểm c khoản 3 của Điều này;

d) Thông báo ngay cho các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

2. Trong thời hạn 24 giờ sau khi xảy ra sự cố, chủ đầu tư, chủ quản lý sử dụng công trình (khi công trình đã được nghiệm thu, bàn giao và đang khai thác, sử dụng) phải báo cáo theo mẫu Phụ lục 29 của Quy định này với cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng (theo phân cấp tại Điều 25 của Quy định này) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm khác để điều tra và xử lý sự cố.

Đối với các sự cố của mọi công trình nếu có thiệt hại về người thì chủ đầu tư, chủ quản lý sử dụng công trình phải báo cáo về Bộ Xây dựng.

3. Lập hồ sơ sự cố:

a) Khi xảy ra sự cố công trình xây dựng, chủ đầu tư, chủ quản lý sử dụng công trình (khi công trình đã được nghiệm thu, bàn giao và đang khai thác, sử dụng) có trách nhiệm lập hồ sơ sự cố. Trường hợp phải khảo sát, đánh giá mức độ của sự cố, nếu chủ đầu tư, chủ quản lý sử dụng công trình không có năng lực thực hiện thì có thể thuê một tổ chức tư vấn xây dựng có chức năng để thực hiện.

b) Nội dung hồ sơ sự cố:

- Biên bản kiểm tra hiện trường khi sự cố đã xảy ra;

- Kết quả đo, vẽ, chụp ảnh, quay phim hoặc băng hình về hiện trạng sự cố, các vết nứt, gãy, các hiện tượng lún, sụt và các chi tiết khác cần thiết cho việc nghiên cứu; kết quả thí nghiệm các vật mẫu để xác định chất lượng vật liệu, kết cấu của công trình bị sự cố để phân tích xác định nguyên nhân sự cố;

- Các tài liệu khác về công trình như: những thay đổi, bổ sung thiết kế; những sai lệch trong thi công so với thiết kế được duyệt; các hiện tượng chất tải hoặc sử dụng công trình không đúng thiết kế; các vi phạm quy trình vận hành, sử dụng; không thực hiện bảo trì công trình theo quy định;

- Mô tả diễn biến của sự cố và phân tích xác định nguyên nhân sự cố.

c) Thu dọn hiện trường sự cố:

- Sau khi có đầy đủ hồ sơ đáp ứng cho việc nghiên cứu, phân tích và xác định nguyên nhân gây nên sự cố công trình xây dựng, cơ quan chủ trì giải quyết sự cố cho phép doanh nghiệp xây dựng, người sử dụng hoặc chủ đầu tư tiến hành thu dọn hiện trường sự cố.

- Nhanh chóng tháo dỡ hoặc thu dọn hiện trường xảy ra sự cố khi khẩn cấp cứu người bị nạn, ứng cứu dề, đập, cầu cống, thông cầu, thông đường hoặc ngăn ngừa sự cố tiếp theo. Trước khi tháo dỡ hoặc thu dọn, doanh nghiệp xây dựng, người sử dụng hoặc chủ đầu tư phải tiến hành chụp ảnh, quay phim hoặc băng hình, thu thập, ghi chép đến mức tối đa các yêu cầu quy định tại Điều này.

d) Khắc phục sự cố:

- Việc sửa chữa hoặc xây dựng lại công trình bị sự cố phải đảm bảo khắc phục triệt để các nguyên nhân gây ra sự cố đã xác định tại biên bản giải quyết sự cố.

- Chi phí cho việc khắc phục sự cố do đơn vị hoặc cá nhân gây ra sự cố chịu.

- Trường hợp sự cố do nguyên nhân bất khả kháng thì chủ đầu tư hoặc cơ quan bảo hiểm (đôi với công trình có mua bảo hiểm) chịu chi phí khắc phục sự cố.

Điều 25. Phân cấp giải quyết sự cố công trình xây dựng.

1. Đối với công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư nhóm A: Bộ Xây dựng chủ trì giải quyết, có sự tham gia của Sở Xây dựng hoặc Sở có công trình xây dựng chuyên ngành (nếu là công trình xây dựng chuyên ngành) của địa phương nơi đặt công trình, Bộ có dự án hoặc Bộ có công trình xây dựng chuyên ngành (nếu là công trình xây dựng chuyên ngành) và các cơ quan chức năng quản lý nhà nước khác có liên quan.

2. Đối với công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư nhóm B, C: Sở Xây dựng chủ trì giải quyết, có sự tham gia của Sở có dự án hoặc Sở có công trình xây dựng chuyên ngành (nếu là công trình xây dựng chuyên ngành) và các cơ quan chức năng quản lý nhà nước khác có liên quan tại địa phương.

3. Đối với công trình nhà ở của hộ gia đình và cá nhân: Cơ quan chức năng quản lý xây dựng* (phòng xây dựng) của Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện chủ trì giải quyết. Trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì giải quyết có thể mời đại diện Sở Xây dựng và các chuyên gia để tư vấn.

Cơ quan chủ trì nêu tại khoản 2, 3 của Điều này có trách nhiệm báo cáo kết quả giải quyết sự cố về Bộ Xây dựng.

Chương 6

KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 26. Kiểm tra thực hiện quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Công tác kiểm tra do các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, cơ quan quản lý trực tiếp của chủ đầu tư tiến hành nhằm đảm bảo chất lượng công trình xây dựng, kịp thời đề ra biện pháp phòng ngừa, khắc phục, loại trừ các hành vi vi phạm về chất lượng công trình xây dựng. Công tác kiểm tra phải được tiến hành định kỳ hoặc đột xuất trong suốt quá trình thực hiện xây dựng và sử dụng công trình.

Điều 27. Xử lý vi phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Các tổ chức, cá nhân vi phạm về chất lượng công trình xây dựng quy định tại Quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương 7

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Quy định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Những quy định khác trái với Quy định này bị bãi bỏ.

Điều 29. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan quản lý tài chính của Trung ương Đảng, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các doanh nghiệp, các chủ đầu tư, các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này./.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng

NGUYỄN HỒNG QUÂN

Phụ lục 1

NỘI DUNG, SỐ LƯỢNG HỒ SƠ THIẾT KẾ

I. THIẾT KẾ SƠ BỘ

1. Yêu cầu thiết kế sơ bộ

- Phải tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với công trình;

- Phải thể hiện được các thông số hình học, kỹ thuật chủ yếu;

- Phải đảm bảo đủ điều kiện để xác định tổng mức đầu tư xây dựng công trình;

2. Nội dung thiết kế sơ bộ

2.1. Phần thuyết minh:

a) Phần tổng quát

- Giới thiệu tóm tắt của thiết kế sơ bộ đã thể hiện theo yêu cầu của nhiệm vụ thiết kế;

- Trình bày mối quan hệ đối với quy hoạch chung và đối với các công trình lân cận;

- Nêu các căn cứ để lập thiết kế:

+ Phương án thiết kế đã được lựa chọn qua thi tuyển (nếu có);

+ Danh mục Quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng;

+ Yêu cầu về quy hoạch, kiến trúc, công nghệ;

+ Các tài liệu về điều kiện tự nhiên và kỹ thuật: địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, khí tượng, thủy văn, tác động của môi trường tại khu vực xây dựng, hiện trạng chất lượng công trình (trường hợp cải tạo, sửa chữa), công trình kỹ thuật hạ tầng và các điều kiện khác;

- Công năng của công trình.

b) Thuyết minh thiết kế:

- Tổng mặt bằng: diện tích chiếm đất, hệ số xây dựng. Vị trí các hạng mục công trình, diện tích xây dựng, kho bãi, tầng cao, đường sá, kênh mương, cống rãnh, điện, nước, hơi, nhiệt, cây xanh, khoảng cách ly vệ sinh...;

- Phương án dây chuyền công nghệ, vận hành khai thác, sử dụng sản xuất;

- Phương án kiến trúc phù hợp với quy hoạch, công nghệ, yêu cầu sử dụng, cảnh quan môi trường, mỹ thuật của công trình...;

- Phương án xây dựng: gia cố nền, móng, kết cấu chịu lực chính, hệ thống kỹ thuật công trình, công trình kỹ thuật hạ tầng các công trình chính, phụ;

- Phương án bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn vận hành;

- Khối lượng sơ bộ các công tác xây lắp, vật liệu, vật tư, máy móc thiết bị (chỉ nêu yêu cầu chung về tính năng kỹ thuật)... chủ yếu của công trình;

- Tổng quát về tiến độ, điều kiện thi công, vật liệu xây dựng chủ yếu cho công trình;

- Phân tích các điều kiện kỹ thuật của công trình tại địa điểm được lựa chọn.

Đối với công trình giao thông, thủy lợi, đường dây, đường ống, thì nội dung thiết kế sơ bộ cần thêm các phần:

- Tuyến công trình đi qua và các công trình phải xây dựng trên tuyến đó;

- Độ dốc, các trắc dọc, trắc ngang, bán kính cong;

- Xử lý các công trình đặc biệt, vượt sông, vượt núi, đầm lầy, chướng ngại vật, cầu cống, đê đập, kè, tường chắn, mố trụ, cột dây, xi phông, hồ chứa, đường hầm, nền móng v.v....

2.2. Phân bản vẽ:

- Sơ đồ khu vực địa điểm công trình;

- Bản vẽ tổng mặt bằng (xác định vị trí xây dựng, diện tích chiếm đất, diện tích xây dựng, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, chỉ giới xây dựng, cao độ xây dựng, điểm đầu nối công trình kỹ thuật hạ tầng: cấp thoát nước, cấp điện, cấp khí);

- Bản vẽ các mặt cắt địa chất công trình, thủy văn, san nền, đắp đất;

- Bản vẽ sơ đồ công nghệ, dây chuyền vận hành, khai thác, sử dụng, sản xuất;

- Bản vẽ các mặt bằng, mặt cắt ngang, cắt dọc, mặt đứng của các hạng mục công trình, mô hình (nếu cần thiết);

- Bản vẽ các giải pháp xử lý nền, móng kèm theo mặt cắt địa chất tương ứng, kết cấu chịu lực chính và các chi tiết cần thiết khác;

- Bản vẽ các hệ thống kỹ thuật hạ tầng và hệ thống kỹ thuật công trình;

- Bản vẽ thể hiện hệ thống bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn vận hành;

- Tùy theo đặc điểm của các loại công trình nói trên, các ngành giao thông, thủy lợi, đường dây, đường ống cần quy định một số bản vẽ cần thiết khác để trình bày được đầy đủ nội dung của thiết kế sơ bộ.

II. NỘI DUNG HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT

1. Yêu cầu thiết kế kỹ thuật

- Phải tuân thủ thiết kế sơ bộ được phê duyệt;

- Phải đảm bảo đủ điều kiện để lập tổng dự toán và triển khai thiết kế bản vẽ thi công.

2. Nội dung thiết kế kỹ thuật

2.1. Phần thuyết minh:

a) Căn cứ để lập thiết kế kỹ thuật:

- Quyết định phê duyệt đầu tư (hoặc Giấy phép đầu tư);
- Thiết kế sơ bộ đã được phê duyệt;
- Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng;
- Yêu cầu về quy hoạch, kiến trúc, công nghệ;
- Tài liệu về điều kiện tự nhiên và kỹ thuật: địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, khí tượng, thủy văn, động đất tại khu vực xây dựng, tác động của môi trường, hiện trạng chất lượng công trình (trường hợp cải tạo, sửa chữa), công trình kỹ thuật hạ tầng....

b) Thuyết minh thiết kế công nghệ:

- Giải pháp công nghệ, dây chuyền công nghệ, các thông số kỹ thuật và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu;
- Danh mục máy móc thiết bị công nghệ;
- Hệ thống kỹ thuật đi kèm công nghệ;
- Giải pháp bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn vận hành...;
- Quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì công trình.

c) Thuyết minh thiết kế xây dựng:

- Giải pháp kiến trúc phù hợp với quy hoạch, công nghệ, yêu cầu sử dụng, cảnh quan môi trường...;
- Giải pháp xây dựng: gia cố nền, móng, kết cấu chịu lực chính, hệ thống kỹ thuật công trình, công trình kỹ thuật hạ tầng...;
- Danh mục phần mềm sử dụng, diễn giải các bước tính toán chủ yếu;
- Tổng hợp khối lượng các công tác xây lắp, vật liệu, vật tư, máy móc thiết bị... chủ yếu của từng hạng mục và toàn bộ công trình;

- Chỉ dẫn biện pháp thi công (đối với trường hợp thi công phức tạp...);
- Quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì công trình.

2.2. Phần bản vẽ:

- Triển khai mặt bằng hiện trạng và vị trí công trình trên bản đồ;
- Triển khai tổng mặt bằng (xác định vị trí xây dựng, diện tích chiếm đất, diện tích xây dựng, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, chỉ giới xây dựng, cao độ xây dựng...);
- Giải pháp kiến trúc: mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chính của các hạng mục và toàn bộ công trình, phối cảnh công trình;
- Giải pháp xây dựng: gia cố nền, móng, kết cấu chịu lực chính, hệ thống kỹ thuật công trình, công trình kỹ thuật hạ tầng... (chưa yêu cầu triển khai vật liệu);
- Chi tiết các liên kết điển hình, các chi tiết phức tạp (nút khung, mắt dàn, neo cốt thép đối với các kết cấu bê tông cốt thép ứng lực trước...);
- Hệ thống kỹ thuật;
- Bố trí dây chuyền công nghệ, máy móc thiết bị...;
- Bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn vận hành...;

III. NỘI DUNG HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

1. Yêu cầu

- Phải phù hợp với thiết kế kỹ thuật đã được duyệt.
- Phải thể hiện được các chi tiết kiến trúc, kết cấu, hệ thống kỹ thuật công trình để nhà thầu xây lắp thực hiện thi công xây lắp công trình.

- Phải đảm bảo đủ điều kiện để lập dự toán.

- Phải có chú thích về quy cách vật liệu, hướng dẫn trình tự và biện pháp thi công, an toàn lao động, nếu là tài liệu thiết kế do nước ngoài lập thì cần dịch sang tiếng Việt.

- Không được điều chỉnh hay sửa đổi làm giảm công suất, quy mô xây dựng và tuổi thọ công trình đã nêu trong nhiệm vụ thiết kế và thiết kế sơ bộ được duyệt.

- Không được sửa đổi hoặc làm lại thiết kế khi áp dụng thiết kế điển hình. Nếu cần bổ sung điều chỉnh bản vẽ thi công của thiết kế điển hình cho phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của khu vực xây dựng, thì phải hỏi ý kiến của cơ quan đã duyệt và ban hành thiết kế điển hình đó.

2. Nội dung

2.1. Phân thuyết minh:

a) Căn cứ để lập thiết kế bản vẽ thi công:

- Thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt;
- Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng;
- Yêu cầu về quy hoạch, kiến trúc, công nghệ;
- Tài liệu về điều kiện tự nhiên và kỹ thuật: địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, khí tượng, thủy văn, động đất tại khu vực xây dựng, tác động của môi trường, hiện trạng chất lượng công trình (trường hợp cải tạo, sửa chữa), công trình kỹ thuật hạ tầng....

b) Thuyết minh thiết kế công nghệ:

- Giải pháp công nghệ, dây chuyền công nghệ, các thông số kỹ thuật và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu;
- Danh mục máy móc thiết bị công nghệ;
- Hệ thống kỹ thuật đi kèm công nghệ;
- Giải pháp bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn vận hành...;

- Quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì công trình.

c) Thuyết minh thiết kế xây dựng:

- Giải pháp kiến trúc phù hợp với quy hoạch, công nghệ, yêu cầu sử dụng, cảnh quan môi trường...;

- Giải pháp xây dựng: gia cố nền, móng, kết cấu chịu lực chính, hệ thống kỹ thuật công trình, công trình kỹ thuật hạ tầng...;

- Danh mục phân mềm sử dụng, diễn giải các bước tính toán chủ yếu;

- Tổng hợp khối lượng các công tác xây lắp, vật liệu, vật tư, máy móc thiết bị... chủ yếu của từng hạng mục và toàn bộ công trình;

- Chỉ dẫn biện pháp thi công (đối với trường hợp thi công phức tạp...);

- Quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì công trình.

2.2. Phân bản vẽ:

- Chi tiết mặt bằng hiện trạng và vị trí công trình trên bản đồ;

- Chi tiết tổng mặt bằng định rõ vị trí xây dựng, diện tích chiếm đất, diện tích xây dựng, mật độ xây dựng, khoảng cách giới hạn, hệ số sử dụng đất, chỉ giới xây dựng, cao độ xây dựng... cho các công trình kiến trúc, mạng lưới đường sá, kênh mương, cống rãnh, sân bãi, điện, nước, hơi, nhiệt v.v...;

- Chi tiết kiến trúc: mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chính của các hạng mục công trình và toàn bộ công trình, phối cảnh công trình;

- Chi tiết xây dựng: gia cố nền, móng, kết cấu chịu lực chính, hệ thống kỹ thuật công trình, công trình kỹ thuật hạ tầng... (yêu cầu triển khai vật liệu);

- Chi tiết các liên kết điển hình, các chi tiết phức tạp (nút khung, mắt dầm, neo cốt thép đối

với các kết cấu bê tông cốt thép ứng lực trước...), các chi tiết xây dựng khác;

- Hệ thống kỹ thuật;
- Chi tiết bố trí dây chuyền công nghệ, máy móc thiết bị...;
- Bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn vận hành...;
- Liệt kê khối lượng các công tác xây lắp, vật liệu, vật tư, máy móc thiết bị... của các hạng mục và toàn bộ công trình;
- Chỉ dẫn biện pháp thi công (đối với trường hợp thi công phức tạp...);

Quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì công trình.

IV. NỘI DUNG HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT THI CÔNG

1. Yêu cầu thiết kế kỹ thuật thi công

- Phải tuân thủ thiết kế sơ bộ được phê duyệt. Không được điều chỉnh hay sửa đổi làm giảm công suất, quy mô xây dựng và tuổi thọ công trình đã nêu trong nhiệm vụ thiết kế và thiết kế sơ bộ được duyệt.

- Phải thể hiện được các chi tiết kiến trúc, kết cấu, hệ thống kỹ thuật công trình để nhà thầu xây lắp thực hiện thi công xây lắp công trình; phải có chú thích về quy cách vật liệu, hướng dẫn trình tự và biện pháp thi công, an toàn lao động, nếu là tài liệu thiết kế do nước ngoài lập thì cần dịch sang tiếng Việt.

- Không được sửa đổi hoặc làm lại thiết kế khi áp dụng thiết kế điển hình. Nếu cần bổ sung điều chỉnh bản vẽ thi công của thiết kế điển hình cho phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của khu vực xây dựng, thì phải hỏi ý kiến của cơ quan đã duyệt và ban hành thiết kế điển hình đó.

- Phải đảm bảo đủ điều kiện để lập tổng dự toán và dự toán;

2. Nội dung thiết kế kỹ thuật thi công

2.1. Phần thuyết minh: theo khoản 2.1 Mục II của Phụ lục này;

2.2. Phần bản vẽ: theo khoản 2.2 Mục III của Phụ lục này.

V. SỐ LƯỢNG HỒ SƠ THIẾT KẾ

1. Đối với thiết kế sơ bộ:

- Cơ quan phê duyệt dự án đầu tư (05 bộ);
- Chủ đầu tư (02 bộ, trong đó 01 bộ gửi cơ quan thẩm định dự án đầu tư);
- Cơ quan cấp phép xây dựng (01 bộ).

2. Đối với thiết kế kỹ thuật:

- Chủ đầu tư (04 bộ, trong đó 01 bộ gửi cơ quan PCCC để thẩm định về thiết kế PCCC);
- Cơ quan cấp phép xây dựng (01 bộ);
- Doanh nghiệp xây dựng (02 bộ).

3. Đối với thiết kế bản vẽ thi công:

- Chủ đầu tư (04 bộ);
- Doanh nghiệp xây dựng (03 bộ);
- Cơ quan lưu trữ theo quy định của Nhà nước về lưu trữ hồ sơ tài liệu (01 bộ).

4. Đối với thiết kế kỹ thuật thi công:

- Chủ đầu tư (05 bộ, trong đó 01 bộ gửi cơ quan PCCC để thẩm định về thiết kế PCCC);
- Doanh nghiệp xây dựng (03 bộ).
- Cơ quan lưu trữ theo quy định của Nhà nước về lưu trữ hồ sơ tài liệu (01 bộ).

Ghi chú: Chi phí lập hồ sơ theo số lượng nêu trên được tính trong giá thiết kế.

PHỤ LỤC 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT XÂY DỰNG
SỬ DỤNG CHO BƯỚC THIẾT KẾ (sơ bộ, kỹ thuật, bản vẽ thi công)**

Công trình

1. Đại diện Chủ đầu tư:

- Tên, chức vụ người đại diện:
- Địa chỉ:

2. Đại diện tổ chức thực hiện khảo sát xây dựng

- Tên, chức vụ người đại diện:
- Địa chỉ:

3. Đại diện tổ chức tư vấn thiết kế

- Tên, chức vụ người đại diện:

4. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu: ngày..... tháng năm.....

Kết thúc: ngày..... tháng..... năm.....

Tại

5. Sau xem xét các hồ sơ, tài liệu sau:

- Hợp đồng khảo sát xây dựng số..... ngày..... được lập giữa hai bên;
- Hồ sơ, tài liệu khảo sát xây dựng;
- Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng khi khảo sát;

Hai bên xác nhận những điểm sau đây:

5.1. Về khối lượng khảo sát xây dựng

5.2. Về số lượng, hình thức hồ sơ khảo sát xây dựng:

- Số lượng hồ sơ khảo sát xây dựng: bộ;
- Hồ sơ khảo sát xây dựng bao gồm:

5.3. Về chất lượng hồ sơ khảo sát xây dựng

- Phù hợp với nhiệm vụ khảo sát do tổ chức thiết kế yêu cầu đã được chủ đầu tư chấp thuận
- Tuân thủ Quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng (kèm theo danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng);

5.4. Về thời gian thực hiện

- Bắt đầu
- Hoàn thành

5.5. Kiến nghị:

- Đối với tổ chức thực hiện khảo sát: nêu rõ những tồn tại về báo cáo kết quả khảo sát xây dựng và các yêu cầu tổ chức thực hiện khảo sát cần sửa chữa, bổ sung;
- Đối với chủ đầu tư: cần nêu rõ trách nhiệm của chủ đầu tư cần thực hiện theo thỏa thuận đã nêu trong hợp đồng.

5.6. Kết luận:

- Chấp nhận hay không chấp nhận nghiệm thu báo cáo kết quả khảo sát xây dựng.

ĐẠI DIỆN**TỔ CHỨC THỰC HIỆN KHẢO SÁT**

(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN**TỔ CHỨC TƯ VẤN THIẾT KẾ**

(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

PHỤ LỤC 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN NGHIỆM THU THIẾT KẾ
BƯỚC THIẾT KẾ (sơ bộ, kỹ thuật, bản vẽ thi công hoặc kỹ thuật thi công)

Công trình

1. Đại diện Chủ đầu tư:

- Tên, chức vụ người đại diện:
- Địa chỉ:

2. Đại diện tổ chức tư vấn thiết kế

- Tên, chức vụ người đại diện:
- Địa chỉ:

3. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu: ngày..... tháng năm.....

Kết thúc: ngày..... tháng..... năm.....

Tại

4. Sau xem xét các hồ sơ, tài liệu sau:

- Hợp đồng thiết kế số..... ngày..... được lập giữa hai bên;
- Hồ sơ, tài liệu thiết kế;
- Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng khi thiết kế;

Hai bên xác nhận những điểm sau đây:

4.1. Về hình thức, số lượng hồ sơ thiết kế:

- Hồ sơ thiết kế (sơ bộ, kỹ thuật, bản vẽ thi công, kỹ thuật thi công) công trình được lập với các nội dung theo quy định nêu tại Phụ lục số 1 của Quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng được ban hành kèm theo Quyết định số 18/2003/QĐ-BXD ngày 27/6/2003 bao gồm:

- + Phần thuyết minh
- + Phần bản vẽ

- Số lượng hồ sơ thiết kế (sơ bộ, kỹ thuật, bản vẽ thi công, kỹ thuật thi công): bộ.

4.2. Về chất lượng hồ sơ thiết kế (sơ bộ, kỹ thuật, bản vẽ thi công, kỹ thuật thi công)

- Phù hợp với:

- + Các nội dung chủ yếu của báo cáo nghiên cứu khả thi;
- + Nhiệm vụ thiết kế sơ bộ trong báo cáo nghiên cứu khả thi đã được phê duyệt;
- + Thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt;

- Tuân thủ Quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng (kèm theo danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng).

- Cấp công trình, đảm bảo an toàn trong quá trình xây dựng và sử dụng công trình.
- Các thông số kỹ thuật chủ yếu ở từng bước thiết kế.
- Thỏa mãn các điều kiện về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động, an toàn đô thị, an toàn giao thông và các yêu cầu có liên quan.
- Thể hiện bản vẽ thiết kế theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

4.3. Về thời gian thực hiện

Thời điểm	Thời gian thực hiện đối với các bước thiết kế			
	Sơ bộ	Kỹ thuật	Bản vẽ thi công	Kỹ thuật thi công
Bắt đầu				
Hoàn thành				

4.4. Kiến nghị:

- Đối với tổ chức tư vấn thiết kế: nêu rõ những tồn tại về hồ sơ thiết kế và các yêu cầu tổ chức tư vấn thiết kế cần sửa chữa, bổ sung;
- Đối với chủ đầu tư: cần nêu rõ trách nhiệm của chủ đầu tư cần thực hiện theo thỏa thuận đã nêu trong hợp đồng.

4.6. Kết luận:

- Chấp nhận hay không chấp nhận nghiệm thu thiết kế.
- Yêu cầu và thời hạn phải sửa chữa xong những khiếm khuyết (nếu có).

ĐẠI DIỆN

TỔ CHỨC TƯ VẤN THIẾT KẾ

(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

PHỤ LỤC 4

Chủ đầu tư

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH.....

Kính gửi:

- Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng và các Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000, Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ;

- Căn cứ Quyết định số 18/2003/QĐ-BXD ngày 27/6/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng;

- Căn cứ Thông tư hướng dẫn.....;

- Căn cứ Quyết định phê duyệt đầu tư (hoặc Giấy phép đầu tư).....

Chủ đầu tư trình thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình..... thuộc dự án đầu tư
..... do tổ chức tư vấn thiết kế lập với các nội dung sau:

1. Tên công trình..... thuộc dự án đầu tư.....

- Tổng mức đầu tư theo dự án đã được phê duyệt.
- Địa điểm xây dựng, diện tích chiếm đất.

2. Hồ sơ thiết kế kỹ thuật trình:

- 1- Bản sao quyết định phê duyệt dự án đầu tư kèm theo hồ sơ thiết kế sơ bộ đã được duyệt cùng dự án;
- 2- Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng;
- 3- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật được lập theo Phụ lục 1 của Quy định này;
- 4- Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế (nếu có);
- 5- Biên bản nghiệm thu sản phẩm khảo sát xây dựng, thiết kế;
- 6- Các văn bản chấp thuận của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về an toàn môi trường, an toàn phòng chống cháy, nổ, an toàn đê điều, an toàn giao thông và các yêu cầu có liên quan.

Chủ đầu tư trình..... thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình.....

Nơi nhận:

- Như trên

-

-

- Lưu

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

PHỤ LỤC 5

Người có thẩm quyền thẩm định
(cơ quan, cá nhân)
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH.....**

Kính gửi:

Cơ quan thẩm định..... đã nhận tờ trình (kèm theo hồ sơ trình thẩm định thiết kế kỹ thuật) số..... ngày..... của..... trình thẩm định thiết kế kỹ thuật công trìnhthuộc dự án đầu tư.....

- Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng và các Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000, Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ;

- Căn cứ Quyết định số 18/2003/QĐ-BXD ngày 27/6/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng;

- Căn cứ Thông tư hướng dẫn.....;

- Căn cứ Quyết định phê duyệt đầu tư (hoặc Giấy phép đầu tư).....;

- Căn cứ tờ trình số..... ngày..... của.....

Sau khi xem xét, Cơ quan thẩm định báo cáo kết quả thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình như sau:

- Tên công trình..... thuộc dự án đầu tư.....
- Chủ đầu tư:
- Theo Quyết định phê duyệt đầu tư số..... ngày..... của
- Tổng mức đầu tư theo dự án đã được phê duyệt:
- Địa điểm xây dựng
- Diện tích chiếm đất:
- Tổ chức thực hiện khảo sát xây dựng:
- Tổ chức tư vấn lập thiết kế kỹ thuật:

1. Nội dung và chất lượng hồ sơ thiết kế kỹ thuật:

-
-
-

-
-

2. Kết quả thẩm định thiết kế kỹ thuật:

a) Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức tư vấn, cá nhân thực hiện thiết kế;

b) Sự phù hợp của thiết kế kỹ thuật với thiết kế sơ bộ và các nội dung trong báo cáo khả thi đã được phê duyệt về quy hoạch, kiến trúc, quy mô xây dựng, công nghệ, công suất thiết kế, cấp công trình, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng;

c) Giải pháp bảo vệ môi trường, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động, an toàn đề điều, an toàn giao thông và các yêu cầu có liên quan;

d) Sự hợp lý của giải pháp thiết kế kỹ thuật theo Quy chuẩn xây dựng và tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng trên cơ sở hồ sơ thiết kế kỹ thuật trình thẩm định, bao gồm:

- Sự hợp lý của giải pháp thiết kế nền, móng với đặc điểm địa chất công trình; sự phù hợp của giải pháp kết cấu với thiết kế kiến trúc (đối với công trình có hồ sơ thiết kế kiến trúc) và với công năng của công trình;

- Sự hợp lý và đồng bộ của giải pháp thiết kế hệ thống kỹ thuật.

3. Kết luận:

- Yêu cầu và thời hạn phải sửa chữa xong những khiếm khuyết (nếu có)
- Trách nhiệm của chủ đầu tư và tổ chức tư vấn hoàn thiện thiết kế kỹ thuật:
- Cơ quan thẩm định đề nghị..... xem xét và quyết định.

Nơi nhận:

- Người có thẩm quyền phê duyệt thiết kế kỹ thuật
- Chủ đầu tư
- Tổ chức tư vấn thiết kế
- Tổ chức tư vấn thẩm tra thiết kế (nếu có)
- Lưu

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ KỸ THUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

PHỤ LỤC 6

Chủ đầu tư

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH PHÊ DUYỆT THIẾT KẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH

Kính gửi:

- Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng và các Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000, Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ;

- Căn cứ Quyết định số 18/2003/QĐ-BXD ngày 27/6/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng;

- Căn cứ Thông tư hướng dẫn.....;

- Căn cứ Quyết định phê duyệt đầu tư (hoặc Giấy phép đầu tư).....;

Chủ đầu tư trình phê duyệt thiết kế kỹ thuật công trình..... thuộc dự án đầu tư..... do tổ chức tư vấn thiết kế lập với các nội dung sau:

1. Tên công trình..... thuộc dự án đầu tư.....

- Tổng mức đầu tư theo dự án đã được phê duyệt.

- Địa điểm xây dựng, diện tích chiếm đất.

2. Hồ sơ thiết kế kỹ thuật trình:

1- Bản sao quyết định phê duyệt dự án đầu tư kèm theo hồ sơ thiết kế sơ bộ đã được duyệt cùng dự án;

2- Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng;

3- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật được lập theo Phụ lục 1 của Quy định này;

4- Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế (nếu có);

5- Biên bản nghiệm thu sản phẩm khảo sát xây dựng, thiết kế;

6- Các văn bản chấp thuận của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về an toàn môi trường; an toàn phòng chống cháy, nổ, an toàn đê điều, an toàn giao thông và các yêu cầu có liên quan;

7- Kết quả thẩm định thiết kế kỹ thuật do thực hiện;

Chủ đầu tư trình..... phê duyệt thiết kế kỹ thuật công trình.....

Nơi nhận:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

- Như trên

-

-

- Lưu

PHỤ LỤC 7

Cơ quan phê duyệt.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH CỦA.....
PHÊ DUYỆT THIẾT KẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN PHÊ DUYỆT.....

- Căn cứ Nghị định số..... ngày..... của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của.....;

- Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng và các Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000, Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ;

- Căn cứ Quyết định số 18/2003/QĐ-BXD ngày 27/6/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng;

- Căn cứ Thông tư hướng dẫn.....;

- Căn cứ Quyết định phê duyệt đầu tư (hoặc Giấy phép đầu tư).....;

- Căn cứ kết quả thẩm định thiết kế kỹ thuật của.....;

- Xét tờ trình số..... ngày..... của.....,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1:** Phê duyệt thiết kế kỹ thuật công trình..... thuộc dự án đầu tư.....

- Chủ đầu tư:.....

- Tổ chức tư vấn thiết kế:

- Địa điểm xây dựng:

- Diện tích chiếm đất:

- Các thông số kỹ thuật và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:

- Quy mô (các hạng mục chủ yếu và toàn bộ công trình), công suất, cấp công trình:

- Quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng:

- Các giải pháp thiết kế chủ yếu (từng hạng mục và toàn bộ công trình):

- + Công nghệ;
- + Quy hoạch, kiến trúc;
- + Gia cố nền, móng, kết cấu chịu lực chính;
- + Hệ thống kỹ thuật công trình;
- + Công trình kỹ thuật hạ tầng (cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông...);
- + Bảo vệ môi trường; phòng chống cháy, nổ; an toàn trong quá trình xây dựng; an toàn sử dụng công trình; an toàn đề điều; an toàn giao thông và các yêu cầu có liên quan.

Điều 2: Trách nhiệm của chủ đầu tư và của tổ chức tư vấn lập thiết kế kỹ thuật về bổ sung, hoàn thiện thiết kế kỹ thuật (nếu có).

Điều 3: Trách nhiệm của các cơ quan liên quan thi hành quyết định.

Nơi nhận:

- Các cơ quan có liên quan
- Chủ đầu tư
- Lưu

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

PHỤ LỤC 8

Chủ đầu tư/Tổng thầu EPC

Công trình.....

Hạng mục công trình.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN SỐ.....

NGHIỆM THU CÔNG VIỆC XÂY DỰNG

(công tác đất, cốp pha, cốt thép, bê tông, khối xây, cấu kiện, bộ phận kết cấu công trình)

1. Tên công việc nghiệm thu

2. Đối tượng kiểm tra

3. Thành phần tham gia nghiệm thu;

- Cán bộ kỹ thuật của chủ đầu tư hoặc của tổ chức tư vấn giám sát thi công xây lắp do chủ đầu tư thuê (kỹ thuật A)/Tổng thầu EPC

- Cán bộ kỹ thuật của doanh nghiệp xây dựng (Kỹ thuật B)/nhà thầu phụ (khi thực hiện hợp đồng EPC)

4. Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng khi thi công, kiểm tra và nghiệm thu: nêu cụ thể tên, số hiệu tiêu chuẩn

5. Kiểm tra tại hiện trường

Số thứ tự	Nội dung kiểm tra	Bản vẽ thi công số	Phương pháp kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
				Đạt	Không đạt

Kiến nghị:

6. Khối lượng đã thực hiện

7. Những sửa đổi so với thiết kế đã được phê duyệt: (nếu có)

8. Kết luận:

- Chấp nhận hay không chấp nhận nghiệm thu để triển khai các công việc tiếp theo.

- Yêu cầu và thời hạn phải sửa chữa xong những khiếm khuyết mới triển khai các công việc tiếp theo.

Các bên tham gia nghiệm thu: (Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ)

Cán bộ kỹ thuật của chủ đầu tư hoặc của tổ chức tư vấn giám sát thi công xây lắp do chủ đầu tư thuê (kỹ thuật A)/Tổng thầu EPC

Cán bộ kỹ thuật của doanh nghiệp xây dựng (Kỹ thuật B)/nhà thầu phụ (khi thực hiện hợp đồng EPC)

Các Phụ lục kèm theo:

- Các chứng chỉ chất lượng của nơi sản xuất và kết quả kiểm tra.

- Bản vẽ hoàn công công việc nghiệm thu (có thể in ngay ở mặt sau biên bản hoặc bản vẽ riêng kèm theo).

PHỤ LỤC 9

Chủ đầu tư/Tổng thầu EPC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.....
Công trình.....Hạng mục công trình.....
.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN SỐ
NGHIỆM THU LẮP ĐẶT TỈNH THIẾT BỊ
.....

1. Tên thiết bị/Cụm thiết bị được nghiệm thu bao gồm:

Số thứ tự	Thiết bị được nghiệm thu	Đơn vị	Số lượng	Cơ sở chế tạo	Ngày xuất xưởng

2. Hội đồng nghiệm thu bao gồm:

- Cán bộ kỹ thuật của chủ đầu tư hoặc của tổ chức tư vấn giám sát thi công lắp đặt thiết bị do chủ đầu tư thuê (kỹ thuật A)/tổng thầu EPC;
- Cán bộ kỹ thuật của doanh nghiệp lắp đặt thiết bị (kỹ thuật B)/thầu phụ khi thực hiện hợp đồng EPC;
- Cán bộ kỹ thuật của doanh nghiệp xây dựng (kỹ thuật B)/thầu phụ khi thực hiện hợp đồng EPC;
- Cán bộ của doanh nghiệp cung cấp thiết bị (nếu có):

3. Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng khi thi công, kiểm tra và nghiệm thu: nêu cụ thể tên, số hiệu tiêu chuẩn**4. Kiểm tra tại hiện trường**

Số thứ tự	Nội dung kiểm tra	Bản vẽ thi công số	Phương pháp kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
				Đạt	Không đạt

5. Khối lượng

Số thứ tự	Công tác lắp đặt thiết bị	Đơn vị	Khối lượng		Thời gian thi công	
			Theo thiết kế đã được duyệt	Đã thực hiện	Bắt đầu	Hoàn thành

6. Những sửa đổi so với thiết kế đã được phê duyệt: (nếu có)**7. Kiến nghị:****8. Kết luận:**

- Chấp nhận hay không chấp nhận nghiệm thu để triển khai các công việc tiếp theo.
- Yêu cầu và thời hạn phải sửa chữa xong những khiếm khuyết mới triển khai các công việc tiếp theo.

Các thành phần tham gia hội đồng nghiệm thu: (Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ)

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ kỹ thuật của chủ đầu tư hoặc của tổ chức tư vấn giám sát thi công lắp đặt thiết bị do chủ đầu tư thuê (kỹ thuật A)/tổng thầu EPC - Cán bộ kỹ thuật của doanh nghiệp lắp đặt thiết bị (kỹ thuật B)/thầu phụ khi thực hiện hợp đồng EPC | <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ kỹ thuật của doanh nghiệp xây dựng (kỹ thuật B)/thầu phụ khi thực hiện hợp đồng EPC - Cán bộ của doanh nghiệp cung cấp thiết bị (nếu có) |
|---|--|

Các Phụ lục kèm theo:

- Các chứng chỉ chất lượng của nơi sản xuất và kết quả kiểm tra.
- Bản vẽ hoàn công lắp đặt thiết bị nghiệm thu (có thể in ngay ở mặt sau biên bản hoặc bản vẽ riêng kèm theo)

PHỤ LỤC 10

Chủ đầu tư/Tổng thầu EPC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.....
Công trình.....

Hạng mục công trình.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN SỐ

NGHIỆM THU THIẾT BỊ CHẠY THỬ ĐƠN ĐỘNG KHÔNG TẢI

1. Tên thiết bị/Cụm thiết bị được nghiệm thu bao gồm:

Số thứ tự	Thiết bị được nghiệm thu	Đơn vị	Số lượng

2. Hội đồng nghiệm thu bao gồm:

- Cán bộ kỹ thuật của chủ đầu tư hoặc của tổ chức tư vấn giám sát thi công lắp đặt thiết bị do chủ đầu tư thuê (kỹ thuật A)/ tổng thầu EPC
- Cán bộ kỹ thuật của doanh nghiệp lắp đặt thiết bị (kỹ thuật B)/ thầu phụ khi thực hiện hợp đồng EPC:
- Cán bộ của doanh nghiệp cung cấp thiết bị (nếu có):

3. Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng khi thi công, kiểm tra và nghiệm thu: nêu cụ thể tên, số hiệu tiêu chuẩn

4. Kiểm tra tại hiện trường các thiết bị đã lắp đặt xong và theo dõi quá trình chạy thử không tải đơn động thiết bị:

Số thứ tự	Thiết bị chạy thử	Thời gian chạy thử		Kết quả	
		Bắt đầu	Hoàn thành	Đạt	Không đạt

5. Những sửa đổi so với thiết kế đã được phê duyệt: (nếu có)

6. Kiến nghị:

7. Kết luận:

- Chấp nhận hay không chấp nhận nghiệm thu để triển khai các công việc tiếp theo.
- Yêu cầu và thời hạn phải sửa chữa xong những khiếm khuyết mới triển khai các công việc tiếp theo.

Các thành phần tham gia hội đồng nghiệm thu: (Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ)

- Cán bộ kỹ thuật của chủ đầu tư hoặc của tổ chức tư vấn giám sát thi công lắp đặt thiết bị (kỹ thuật A)/tổng thầu EPC
- Cán bộ kỹ thuật của doanh nghiệp lắp đặt thiết bị (kỹ thuật B)/thầu phụ khi thực hiện hợp đồng EPC

- Cán bộ của doanh nghiệp cung cấp thiết bị (nếu có)

Các Phụ lục kèm theo:

- Các biên bản nghiệm thu công tác lắp đặt tĩnh thiết bị kèm theo bản vẽ hoàn công;
- Báo cáo kết quả thí nghiệm kiểm tra tại chỗ.

PHỤ LỤC 11

Chủ đầu tư/Tổng thầu EPC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.....
Công trình.....

Hạng mục công trình.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN SỐ

NGHIỆM THU THIẾT BỊ CHẠY THỬ LIÊN ĐỘNG KHÔNG TẢI

1. Tên thiết bị/Cụm thiết bị được nghiệm thu bao gồm:

Số thứ tự	Thiết bị được nghiệm thu	Đơn vị	Số lượng

2. Hội đồng nghiệm thu bao gồm:

- Đại diện chủ đầu tư hoặc Đại diện tổ chức tư vấn giám sát thi công lắp đặt thiết bị do chủ đầu tư thuê/Đại diện tổng thầu EPC;
- Đại diện doanh nghiệp lắp đặt thiết bị (kỹ thuật B)/thầu phụ khi thực hiện hợp đồng EPC;
- Đại diện doanh nghiệp cung cấp thiết bị (nếu có):

3. Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng khi thi công, kiểm tra và nghiệm thu: nêu cụ thể tên, số hiệu tiêu chuẩn

4. Kiểm tra tại hiện trường các thiết bị đã lắp đặt xong và theo dõi quá trình thiết bị chạy thử liên động không tải:

Số thứ tự	Thiết bị chạy thử	Thời gian chạy thử		Kết quả	
		Bắt đầu	Hoàn thành	Đạt	Không đạt

5. Những sửa đổi so với thiết kế đã được phê duyệt: (nếu có)

6. Kiến nghị:

7. Kết luận:

- Chấp nhận hay không chấp nhận nghiệm thu để chạy thử liên động có tải.
- Yêu cầu và thời hạn phải sửa chữa xong những khiếm khuyết mới chạy thử liên động có tải.

Các thành phần tham gia hội đồng nghiệm thu:

- Đại diện chủ đầu tư hoặc Đại diện tổ chức tư vấn giám sát thi công lắp đặt thiết bị do chủ đầu tư thuê/Đại diện tổng thầu EPC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

- Đại diện doanh nghiệp lắp đặt thiết bị (kỹ thuật B)/thầu phụ khi thực hiện hợp đồng EPC
(Ký, ghi rõ họ tên và chức vụ)

- Đại diện doanh nghiệp cung cấp thiết bị (nếu có) (Ký, ghi rõ họ tên và chức vụ)

Các Phụ lục kèm theo:

- Các biên bản nghiệm thu lắp đặt tĩnh thiết bị, nghiệm thu thiết bị chạy thử không tải đơn động...)
- kèm theo bản vẽ hoàn công;
- Báo cáo kết quả thí nghiệm tại chỗ.

PHỤ LỤC 12

Chủ đầu tư

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Công trình

Hạng mục công trình.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN SỐ

NGHIỆM THU THIẾT BỊ CHẠY THỬ LIÊN ĐỘNG CÓ TẢI

Tên thiết bị/Cụm thiết bị được nghiệm thu bao gồm:

Số thứ tự	Thiết bị được nghiệm thu	Đơn vị	Số lượng

Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu: ngày..... tháng..... năm.....

Kết thúc: ngày..... tháng..... năm.....

Tại công trình.

Hội đồng nghiệm thu bao gồm:

- Đại diện chủ đầu tư: tên của cơ quan, đơn vị
 - + Ghi rõ họ và tên, chức vụ từng người tham gia
- Đại diện doanh nghiệp xây dựng lắp đặt thiết bị/tổng thầu EPC: tên doanh nghiệp xây dựng
 - + Ghi rõ họ và tên, chức vụ từng người tham gia
- Đại diện tổ chức tư vấn giám sát thi công xây lắp: tên tổ chức tư vấn
 - + Ghi rõ họ và tên, chức vụ từng người tham gia
- Đại diện tổ chức tư vấn thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công (nếu được chủ đầu tư yêu cầu): tên của tổ chức tư vấn thiết kế
 - + Ghi rõ họ và tên, chức vụ từng người tham gia
- Đại diện doanh nghiệp cung cấp thiết bị (nếu có): tên doanh nghiệp
 - + Ghi rõ họ và tên, chức vụ từng người tham gia

Hội đồng nghiệm thu đã tiến hành:

1. Xem xét các hồ sơ, tài liệu sau:

- Hồ sơ, tài liệu thiết kế;
- Hướng dẫn vận hành thiết bị;
- Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng khi lắp đặt, kiểm tra và nghiệm thu (nêu cụ thể tên, số hiệu tiêu chuẩn);
- Các biên bản nghiệm thu lắp đặt tĩnh thiết bị, nghiệm thu thiết bị chạy thử đơn động và liên động không tải;
- Các báo cáo thí nghiệm trong quá trình chạy thử đơn động và liên động không tải;

2. Kiểm tra tại hiện trường các thiết bị đã lắp đặt xong và giám sát theo dõi quá trình thiết bị chạy thử liên động có tải:

Số thứ tự	Thiết bị chạy thử	Thời gian chạy thử		Kết quả	
		Bắt đầu	Hoàn thành	Đạt	Không đạt

4. Công suất đưa vào vận hành:

- Công suất theo thiết kế đã được phê duyệt;
- Công suất theo thực tế đạt được.

5. Những sửa đổi so với thiết kế đã được phê duyệt: (nếu những sửa đổi lớn)

6. Kiến nghị:

7. Kết luận:

- Chấp nhận hay không chấp nhận nghiệm thu để tổng nghiệm thu công trình.
- Yêu cầu và thời hạn phải sửa chữa xong những khiếm khuyết mới tổng nghiệm thu công trình

Các Phụ lục kèm theo:

- Hồ sơ, tài liệu thiết kế;
- Hướng dẫn vận hành thiết bị;
- Các biên bản nghiệm thu lắp đặt tĩnh thiết bị, nghiệm thu thiết bị chạy thử đơn động và liên động không tải,...kèm theo bản vẽ hoàn công;
- Báo cáo kết quả thí nghiệm tại chỗ khi nghiệm thu lắp đặt tĩnh thiết bị, nghiệm thu thiết bị chạy thử đơn động và liên động không tải

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ
và đóng dấu)

Các thành phần tham gia hội đồng nghiệm thu: (Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ)

- Đại diện doanh nghiệp xây dựng lắp đặt thiết bị/tổng thầu EPC:
- Đại diện tổ chức tư vấn giám sát thi công xây lắp:
- Đại diện tổ chức tư vấn thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công (nếu được chủ đầu tư yêu cầu):
- Đại diện doanh nghiệp cung cấp thiết bị (nếu có):

PHỤ LỤC 13

Chủ đầu tư

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN SỐ

NGHIỆM THU HOÀN THÀNH GIAI ĐOẠN XÂY LẮP

.....

Công trình:

Hạng mục công trình:

Địa điểm xây dựng:

Tên giai đoạn xây lắp được nghiệm thu:

Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu: ngày..... tháng..... năm.....

Kết thúc: ngày..... tháng..... năm.....

Tại công trình.

Hội đồng nghiệm thu bao gồm:

- Đại diện chủ đầu tư: tên của cơ quan, đơn vị
+ Ghi rõ họ và tên, chức vụ từng người tham gia
- Đại diện doanh nghiệp xây dựng/tổng thầu EPC: tên doanh nghiệp xây dựng
+ Ghi rõ họ và tên, chức vụ từng người tham gia
- Đại diện tổ chức tư vấn giám sát thi công xây lắp: tên tổ chức tư vấn
+ Ghi rõ họ và tên, chức vụ từng người tham gia
- Đại diện tổ chức tư vấn thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công (nếu được chủ đầu tư yêu cầu):
tên của tổ chức tư vấn thiết kế
+ Ghi rõ họ và tên, chức vụ từng người tham gia
- Đại diện doanh nghiệp cung cấp thiết bị (nếu có): tên doanh nghiệp
+ Ghi rõ họ và tên, chức vụ từng người tham gia

Hội đồng đã tiến hành:

1. Xem xét các hồ sơ, tài liệu sau:

- Hồ sơ, tài liệu thiết kế: nêu rõ tổ chức tư vấn lập thiết kế;
- Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng khi thi công, kiểm tra và nghiệm thu: nêu cụ thể tên, số hiệu tiêu chuẩn;
- Các biên bản nghiệm thu các công tác xây lắp được lập theo mẫu số 8, 9, 10, 11, 12;

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

09640148

- Các tài liệu kiểm tra chất lượng, khối lượng;
- Biên bản của cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng (theo phân cấp tại Điều 3 của Quy định này) kiểm tra hồ sơ nghiệm thu giai đoạn xây lắp.....
(đối với các công trình thuộc dự án được quy định tại khoản 1 Điều 8 của Quy định này).

2. Kiểm tra tại hiện trường:

3. Nhận xét về khối lượng, thời gian thi công và chất lượng (kỹ thuật và mỹ thuật):

3.1. Thời gian thi công (bắt đầu, hoàn thành);

Số thứ tự	Công tác xây dựng và lắp đặt thiết bị	Đơn vị	Khối lượng		Thời gian thi công	
			Theo thiết kế đã được phê duyệt	Đã thực hiện	Bắt đầu	Hoàn thành

Khối lượng ghi trong bảng là khối lượng tính toán sơ bộ. Khối lượng chính xác sẽ được xác định trong bản quyết toán.

3.2. Chất lượng thi công so với thiết kế đã được phê duyệt:

4. Những sửa đổi so với thiết kế đã được phê duyệt: (nêu những sửa đổi lớn)

5. Kiến nghị:

6. Kết luận:

- Chấp nhận hay không chấp nhận nghiệm thu để triển khai giai đoạn xây lắp tiếp theo.
- Yêu cầu và thời hạn phải sửa chữa xong những khiếm khuyết mới triển khai giai đoạn xây lắp tiếp theo.

Các Phụ lục kèm theo:

- Các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng.
- Biên bản nghiệm thu lắp đặt tĩnh thiết bị, nghiệm thu thiết bị chạy thử đơn động và liên động không tải, đơn động và liên động có tải.
- Hồ sơ pháp lý, tài liệu quản lý chất lượng của giai đoạn nghiệm thu theo danh mục nêu tại Phụ lục 20.
- Biên bản kiểm tra hồ sơ nghiệm thu giai đoạn xây lắp nghiệm thu đối với công trình thuộc dự án nêu tại khoản 1 Điều 8 của Quy định này.
- Bản vẽ hoàn công giai đoạn xây lắp nghiệm thu.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ
và đóng dấu)

Các thành phần tham gia hội đồng nghiệm thu: (Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ)

- Đại diện doanh nghiệp xây lắp/ tổng thầu EPC:
- Đại diện tổ chức tư vấn giám sát thi công xây lắp:
- Đại diện tổ chức tư vấn thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công (nếu được chủ đầu tư yêu cầu):
- Đại diện doanh nghiệp cung cấp thiết bị (nếu có):

PHỤ LỤC 14

Chủ đầu tư

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN
NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH
HOẶC CÔNG TRÌNH ĐỂ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Công trình:

Hạng mục công trình:

Địa điểm xây dựng:

Chủ đầu tư công trình:

Các tổ chức tư vấn thiết kế (chính, phụ)/tổng thầu EPC:

Số thứ tự	Các tổ chức tư vấn thực hiện thiết kế	Số, ngày, tháng của hợp đồng thực hiện	Công việc thực hiện
	Tổ chức tư vấn thực hiện thiết kế (chính)		
	Tổ chức tư vấn thực hiện thiết kế (phụ)		
	Tổng thầu EPC		

Cơ quan thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công: (ghi rõ ngày tháng của văn bản kết quả thẩm định và quyết định phê duyệt)

- Cơ quan thẩm định:

- Cơ quan phê duyệt:

Các doanh nghiệp xây dựng (chính, phụ)/Tổng thầu EPC:

Số thứ tự	Các doanh nghiệp xây dựng	Số, ngày, tháng của hợp đồng thực hiện	Công việc thực hiện
	Tổng thầu EPC		
	Doanh nghiệp xây dựng (chính)		
	Doanh nghiệp xây dựng (phụ)		

Các tổ chức tư vấn giám sát thi công xây lắp (chính, phụ):

Số thứ tự	Các tổ chức tư vấn giám sát thi công xây lắp	Số, ngày, tháng của hợp đồng thực hiện	Công việc thực hiện
	Tổ chức tư vấn giám sát thi công xây lắp (chính)		
	Tổ chức tư vấn giám sát thi công xây lắp (phụ)		

Thời gian tiến hành nghiệm thu:

Bắt đầu: ngày..... tháng..... năm.....

Kết thúc: ngày..... tháng..... năm.....

Tại công trình.

Hội đồng nghiệm thu bao gồm:

- Đại diện chủ đầu tư: tên của cơ quan, đơn vị
+ Ghi rõ họ và tên, chức vụ từng người tham gia
- Đại diện doanh nghiệp xây dựng chính (xây lắp)/tổng thầu EPC: tên của doanh nghiệp
+ Ghi rõ họ và tên, chức vụ từng người tham gia
- Đại diện tổ chức tư vấn thực hiện giám sát thi công xây lắp: tên của tổ chức tư vấn
+ Ghi rõ họ và tên, chức vụ từng người tham gia
- Đại diện tổ chức tư vấn thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công (nếu được chủ đầu tư yêu cầu):
tên của tổ chức tư vấn
+ Ghi rõ họ và tên, chức vụ từng người tham gia
- Đại diện đơn vị được giao trách nhiệm quản lý, sử dụng hoặc vận hành khai thác công trình: tên của đơn vị
+ Ghi rõ họ và tên, chức vụ từng người tham gia

Hội đồng nghiệm thu lập biên bản này về những nội dung sau:

1. Tên công trình: (giới thiệu chung về kiến trúc, kết cấu, hệ thống kỹ thuật công trình, công nghệ, thông số kỹ thuật chủ yếu, công trình kỹ thuật hạ tầng...)
2. Công tác xây lắp công trình: (nêu tóm tắt quá trình thi công xây lắp các hạng mục và toàn bộ công trình)

Số thứ tự	Hạng mục Công trình	Thời gian thực hiện		Ngày nghiệm thu
		Bắt đầu	Kết thúc	

3. Các bên đã xem xét các hồ sơ, tài liệu sau:

- Hồ sơ, tài liệu thiết kế: nêu rõ tổ chức tư vấn thực hiện thiết kế;
- Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng khi thi công, kiểm tra và nghiệm thu: nêu cụ thể tên, số hiệu tiêu chuẩn;
- Các biên bản nghiệm thu các công tác xây, lắp đặt thiết bị tĩnh, chạy thử đơn động và liên động không tải;
- Biên bản nghiệm thu các giai đoạn hoàn thành xây lắp;
- Biên bản nghiệm thu thiết bị chạy thử tổng hợp;
- Biên bản của cơ quan quản lý về chất lượng công trình xây dựng (theo phân cấp tại điều 3 của Quy định) kiểm tra hồ sơ nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình thuộc dự án được quy định tại khoản 1 Điều 8 của Quy định này.
- Hồ sơ pháp lý và tài liệu quản lý chất lượng theo danh mục của Phụ lục 20

4. Kiểm tra tại hiện trường:

- Nêu rõ những vị trí kiểm tra.

TRÊN CƠ SỞ XEM XÉT CÁC HỒ SƠ, TÀI LIỆU HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH VÀ KIỂM TRA CÔNG TRÌNH TẠI HIỆN TRƯỜNG, HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU XÁC NHẬN NHỮNG ĐIỂM SAU ĐÂY:

1. Thời hạn thi công xây dựng công trình:

- Ngày khởi công;
- Ngày hoàn thành.

2. Quy mô đưa vào sử dụng của hạng mục công trình hoặc công trình: (quy mô xây dựng, công suất, công nghệ, các thông số kỹ thuật chủ yếu...)

Số thứ tự	Quy mô đưa vào sử dụng của hạng mục công trình hoặc công trình	Theo thiết kế đã được phê duyệt	Theo thực tế đạt được
1	Quy mô xây dựng		
2	Công suất		
3	Công nghệ		
4	Các thông số kỹ thuật chủ yếu		
5		
6		

3. Khối lượng đã thực hiện: (nêu khối lượng chính của các công tác xây dựng và lắp đặt thiết bị chủ yếu)

Hạng mục công trình	Công tác xây lắp	Đơn vị	Khối lượng	
			Theo thiết kế đã được phê duyệt	Theo thực tế đạt được

Khối lượng ghi trong bảng là khối lượng tính toán sơ bộ. Khối lượng chính xác sẽ được xác định trong bản quyết toán (nếu có quyết toán thì đưa số liệu quyết toán vào)

4. Chất lượng (kỹ thuật và mỹ thuật) thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị của các hạng mục và toàn bộ công trình so với yêu cầu của thiết kế đã được phê duyệt:

- 4.1. Chất lượng thi công xây dựng
- 4.2. Chất lượng thi công lắp đặt thiết bị

5. Các biện pháp phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, an toàn vận hành, bảo vệ môi trường, an toàn đề điều, an toàn giao thông...: (nêu tóm tắt)

- 5.1. Các biện pháp phòng chống cháy nổ

- 5.2. Các biện pháp an toàn lao động
- 5.3. Các biện pháp an toàn vận hành
- 5.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường
- 5.5. Các biện pháp an toàn đề điều
- 5.6. Các biện pháp phòng an toàn giao thông

6. Những sửa đổi trong quá trình thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị so với thiết kế đã được phê duyệt: (nêu những sửa đổi lớn)

7. Kiến nghị:

8. Kết luận:

- Chấp nhận (hay không chấp nhận) nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình để đưa vào sử dụng.

- Yêu cầu và thời hạn phải sửa chữa xong các khiếm khuyết mới đưa hạng mục công trình hoặc công trình vào sử dụng.

Các Phụ lục kèm theo:

- Các biên bản nghiệm thu các công tác xây lắp của chủ đầu tư: công tác xây, lắp đặt thiết bị tĩnh, chạy thử đơn động và liên động không tải;
- Biên bản nghiệm thu các giai đoạn hoàn thành xây lắp;
- Biên bản nghiệm thu thiết bị chạy thử tổng hợp...);
- Biên bản của cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng (theo phân cấp tại điều 3 của Quy định) kiểm tra hồ sơ nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình thuộc dự án được quy định tại khoản 1 Điều 8 của Quy định này;
- Hồ sơ pháp lý và tài liệu quản lý chất lượng theo danh mục của Phụ lục 20.

Đại diện chủ đầu tư

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và
đóng dấu)

09640118

Các thành phần tham gia Hội đồng nghiệm thu: (Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ)

- Đại diện doanh nghiệp xây dựng chính (xây lắp)/tổng thầu EPC:
- Đại diện tổ chức tư vấn giám sát thi công xây lắp:
- Đại diện tổ chức tư vấn thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công (nếu được chủ đầu tư yêu cầu):
- Đại diện đơn vị được giao trách nhiệm quản lý, sử dụng hoặc vận hành khai thác công trình:

PHỤ LỤC 15

MẪU BẢNG KÊ NHỮNG THAY ĐỔI SO VỚI THIẾT KẾ ĐÃ ĐƯỢC DUYỆT

(kèm với Biên bản nghiệm thu lập theo Phụ lục 14)

Công trình

Số thứ tự	Nội dung thay đổi và số bản vẽ thiết kế đã được duyệt (TKKT, TKKTTC và TKBVTC)	Nguyên nhân có sự thay đổi	Người có thẩm quyền duyệt sự thay đổi	Tên, số, ngày tháng văn bản cho phép thay đổi	Ghi chú

Đại diện tổ chức tư vấn thiết kế
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

..., ngày ... tháng ... năm 200
Đại diện chủ đầu tư
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

PHỤ LỤC 16

MẪU BẢNG KÊ CÁC VIỆC CHƯA HOÀN THÀNH

(kèm với Biên bản nghiệm thu lập theo Phụ lục 14)

Công trình

Số thứ tự	Công việc chưa hoàn thành	Tổ chức chịu trách nhiệm thực hiện	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú

Đại diện tổ chức tư vấn thiết kế
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

..., ngày tháng năm 200
Đại diện chủ đầu tư
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

PHỤ LỤC 17

MẪU BẢNG KÊ NHỮNG HƯ HỎNG SAI SÓT

(kèm với Biên bản nghiệm thu lập theo Phụ lục 14)

Công trình

Số thứ tự	Tên các hư hỏng sai sót	Giá trị công việc sửa chữa hư hỏng, sai sót		Tổ chức chịu trách nhiệm thực hiện	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
		Hư hỏng	Sai sót			
1	Về thiết kế					
2	Về xây dựng					
3	Về thiết bị					
4	Về lắp đặt thiết bị					
	Tổng cộng					

Đại diện tổ chức tư vấn thiết kế

(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Đại diện doanh nghiệp xây dựng

(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

.... ngày tháng năm 200

Đại diện chủ đầu tư

(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

PHỤ LỤC 18

Hội đồng nghiệm thu Nhà nước
Công trình:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BIÊN BẢN
NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH.....**

Hội đồng nghiệm thu nhà nước công trình..... được thành lập theo Quyết định số..... ngày..... của Thủ tướng Chính phủ, đã tiến hành kiểm tra, xem xét công tác nghiệm thu của chủ đầu tư và đánh giá chất lượng công trình.....

Hội đồng nghiệm thu nhà nước đã họp ngày..... tại..... và lập biên bản theo những nội dung sau:

1. Tiến trình làm việc của Hội đồng: (nêu tóm tắt những công việc đã thực hiện)

2. Đánh giá của Hội đồng:

Trên cơ sở đồ án thiết kế công trình được duyệt, Quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật được chấp thuận sử dụng....., hồ sơ hoàn thành công trình do chủ đầu tư cung cấp, kết quả kiểm tra tại hiện trường, biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình của Chủ đầu tư và báo cáo kết quả phúc tra của các Tiểu ban chuyên môn của Hội đồng nghiệm thu nhà nước, Hội đồng đánh giá:

- Về hiện trạng công trình đã hoàn thành.
- Về kết quả nghiệm thu công trình của Chủ đầu tư.
- Về chất lượng công trình; khối lượng theo thiết kế đã được phê duyệt và theo thực tế đã thực hiện (căn cứ báo cáo quyết toán của chủ đầu tư):
 - + Phân xây dựng;
 - + Phân thiết bị công nghệ.
- Về những ảnh hưởng của công trình (khi sử dụng hoặc vận hành, khai thác) đến môi trường, môi sinh; các biện pháp khắc phục).
- Về các biện pháp phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, an toàn vận hành, an toàn đê điều, an toàn giao thông...
- Về những vấn đề có liên quan khác.
- Về chất lượng hồ sơ hoàn thành công trình do chủ đầu tư trình.

39/20148

3. Kết luận của Hội đồng nghiệm thu nhà nước:

(Kết luận và quyết định của Hội đồng về việc nghiệm thu công trình: chấp nhận hay không chấp nhận kết quả nghiệm thu công trình và đề nghị của Chủ đầu tư; đánh giá tổng quát).

4. Những yêu cầu của Hội đồng nghiệm thu nhà nước:

(Những yêu cầu của Hội đồng đối với chủ đầu tư và các cơ quan liên quan đến công trình).

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU NHÀ NƯỚC
Công trình.....
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Các thành viên Hội đồng nghiệm thu nhà nước: (Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ)

PHỤ LỤC 19

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng năm 200....

**BIÊN BẢN KIỂM TRA HỒ SƠ NGHIỆM THU
Giai đoạn xây lắp hoàn thành,
hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình để đưa vào sử dụng**

Công trình Thuộc dự án đầu tư nhóm

Hạng mục công trình.....

Địa điểm xây dựng

Thời gian kiểm tra

Bắt đầu h 00, ngày tháng năm 200
Kết thúc h 00, ngày tháng năm 200

Các bên tham gia kiểm tra:

- Đại diện Chủ đầu tư công trình: tên của cơ quan, đơn vị

+ Ghi rõ họ và tên, chức vụ từng người tham gia

- Đại diện tổ chức tư vấn giám sát thi công xây lắp hoặc tổ chức tư vấn xây dựng giúp Chủ đầu tư tập hợp hồ sơ nghiệm thu (nếu có): tên của tổ chức tư vấn

+ Ghi rõ họ và tên, chức vụ từng người tham gia

- Đại diện doanh nghiệp xây dựng (xây, lắp): tên của doanh nghiệp

+ Ghi rõ họ và tên, chức vụ từng người tham gia

- Đại diện cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng (theo phân cấp tại điều 3 Quy định này) kiểm tra công tác nghiệm thu: tên của cơ quan

+ Ghi rõ họ và tên, chức vụ từng người tham gia

đã tiến hành những việc sau:

- Kiểm tra danh mục hồ sơ nghiệm thu giai đoạn xây lắp..... hoặc hoàn thành của hạng mục công trình hoặc công trình đã lập giữa Chủ đầu tư và các doanh nghiệp xây dựng và lắp đặt thiết bị/tổng thầu EPC.

09640148
LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

- Kiểm tra tính pháp lý và chất lượng của hồ sơ nghiệm thu giai đoạn xây lắp hoàn thành
hạng mục công trình hoàn thành hoặc công trình hoàn thành

Sau khi kiểm tra, xem xét và trao đổi, các bên tham gia đã có kết luận:

1. Hồ sơ trình để nghiệm thu giai đoạn xây lắp hoàn thành....., hạng mục công trình hoàn thànhhoặc công trình hoàn thành đã lập đủ (hoặc chưa đủ) theo danh mục nêu tại Phụ lục 20 của Quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng được ban hành kèm theo Quyết định số 18/2003/QĐ-BXD ngày 27/6/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2. Hồ sơ nghiệm thu giai đoạn xây lắp hoàn thành, hạng mục công trình hoàn thành hoặc công trình hoàn thành có đầy đủ tính pháp lý theo quy định.

3. Các ý kiến nhận xét khác

- Nếu hồ sơ nghiệm thu chưa đủ thì yêu cầu chủ đầu tư bổ sung để hoàn chỉnh nghiệm thu (nêu cụ thể về hồ sơ pháp lý và tài liệu quản lý chất lượng)

4. Hồ sơ nghiệm thu có trong danh mục kèm theo biên bản này đảm bảo đủ căn cứ để Chủ đầu tư tiến hành việc nghiệm thu giai đoạn xây lắp hoặc nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình

Đối với trường hợp hồ sơ nghiệm thu không đầy đủ thì ghi như sau: Sau khi bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ nghiệm thu theo các yêu cầu nêu ở mục 3, Chủ đầu tư tiến hành việc nghiệm thu giai đoạn xây lắp hoặc nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình

Ghi chú: kèm theo danh mục hồ sơ, tài liệu hoàn thành giai đoạn xây lắp, hoàn thành hạng mục công trình, hoàn thành công trình được lập theo Phụ lục 20 của Quy định này.

Đại diện Chủ đầu tư

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Đại diện tổ chức tư vấn giám sát thi công xây lắp

hoặc tổ chức tư vấn xây dựng giúp Chủ

đầu tư tập hợp hồ sơ nghiệm thu

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Đại diện

doanh nghiệp xây dựng (xây, lắp)

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**Đại diện cơ quan có chức năng quản lý nhà nước
về chất lượng công trình xây dựng (theo phân cấp**

tại điều 3 Quy định này) kiểm tra

công tác nghiệm thu

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

PHỤ LỤC 20

Tên chủ đầu tư

**DANH MỤC HỒ SƠ, TÀI LIỆU
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

(kèm theo Biên bản kiểm tra hồ sơ nghiệm thu theo mẫu số 19)

A. HỒ SƠ PHÁP LÝ

1. Hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ hoặc tổ chức giúp đỡ về tài chính, vật chất, kỹ thuật cho dự án.
2. Quyết định phê duyệt dự án đầu tư, từng dự án thành phần hoặc tiểu dự án của cấp có thẩm quyền.
3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.
4. Văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền về:
 - Quy hoạch, kiến trúc;
 - Thiết kế kỹ thuật;
 - Thiết kế và thiết bị phòng cháy chữa cháy, nổ;
 - Bảo vệ môi trường;
 - Đánh giá chất lượng nước nguồn về lý, hóa, vi trùng: sông, hồ, giếng, nước ngầm, nước mặt, nước trong đất ...;
 - Đánh giá trữ lượng nguồn nước, mỏ khoáng sản khai thác, mỏ đất, đá...;
 - Kết quả thí nghiệm trên mô hình đối với nguồn nước dự kiến khai thác;
 - Báo cáo việc rà phá bom mìn (nếu có);
 - Báo cáo kết quả khảo cổ (nếu có).
5. Văn bản chấp thuận của các cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền về việc cho phép sử dụng công trình kỹ thuật bên ngoài hàng rào:
 - Cấp điện;
 - Sử dụng nguồn nước;
 - Khai thác nước ngầm;
 - Khai thác khoáng sản, khai thác mỏ;
 - Thoát nước (đầu nối vào hệ thống nước thải chung);
 - Đường giao thông bộ, thủy;
 - An toàn của đê (công trình chui qua đê, gấn đê, trong phạm vi bảo vệ đê ...);
 - An toàn giao thông (nếu có).
6. Văn bản phê duyệt kết quả đấu thầu của cấp có thẩm quyền (đối với công việc tổ chức đấu thầu) hoặc văn bản chỉ định thầu (đối với công việc không tổ chức đấu thầu): tư vấn, xây lắp, mua sắm thiết bị (kể cả thiết bị nhập khẩu và thiết bị trong nước).
7. Hợp đồng (ghi số, ngày, tháng của hợp đồng) giữa Chủ đầu tư với tổ chức tư vấn thực hiện khảo sát, thiết kế, giám sát, kiểm định chất lượng và doanh nghiệp xây dựng chính cũng như hợp đồng giữa tổ chức tư vấn/doanh nghiệp xây dựng chính và các tổ chức tư vấn/doanh nghiệp xây dựng phụ (tư vấn, xây lắp).
8. Điều kiện năng lực của các tổ chức tư vấn/doanh nghiệp trong nước (tư vấn xây dựng, doanh nghiệp xây dựng).

096401428

9. Giấy phép thầu xây dựng tại Việt Nam của các nhà thầu nước ngoài (tư vấn thiết kế xây dựng, doanh nghiệp xây dựng, tư vấn giám sát, đăng kiểm chất lượng...).
10. Biên bản nghiệm thu báo cáo kết quả khảo sát xây dựng.
11. Biên bản nghiệm thu các bước thiết kế.
12. Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (có danh mục bản vẽ kèm theo).
13. Kết quả thẩm tra thiết kế kỹ thuật do tổ chức tư vấn không trực tiếp thiết kế thực hiện thẩm tra thiết kế kỹ thuật đối với các công trình được quy định tại khoản 1 Điều 8 của Quy định này.
14. Thiết kế bản vẽ thi công đã được chủ đầu tư phê duyệt (có danh mục bản vẽ kèm theo).
15. Báo cáo khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, thủy văn, nguồn nước (nêu rõ tổ chức thực hiện và thời gian thực hiện).
16. Văn bản (biên bản) nghiệm thu, chấp thuận hệ thống kỹ thuật, công nghệ đủ điều kiện sử dụng của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về:
- Chất lượng sản phẩm nước sinh hoạt;
 - Sử dụng các chất chống thấm thi công các hạng mục công trình cấp nước;
 - Phòng cháy chữa cháy, nổ;
 - Chống sét;
 - Bảo vệ môi trường;
 - An toàn lao động, an toàn vận hành;
 - Thực hiện giấy phép xây dựng (đối với trường hợp phải có giấy phép xây dựng);
 - Chỉ giới đất xây dựng;
 - Đấu nối với công trình kỹ thuật hạ tầng (cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông...);
 - An toàn đề điều (nếu có), an toàn giao thông (nếu có);
 - Thông tin liên lạc (nếu có).

17. Biên bản của cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng (theo phân cấp tại Điều 3 của Quy định này) kiểm tra sự tuân thủ quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng và công tác nghiệm thu của chủ đầu tư trước khi nghiệm thu giai đoạn xây lắp, nghiệm thu hoàn thành từng hạng mục công trình và công trình để đưa vào sử dụng đối với các công trình thuộc dự án phải thẩm tra thiết kế nêu tại khoản 1 Điều 8 của Quy định này (lập theo mẫu tại Phụ lục 19 của Quy định này).

B. TÀI LIỆU QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

1. Bản vẽ hoàn công các hạng mục và toàn bộ công trình về kiến trúc, kết cấu, lắp đặt thiết bị, hệ thống kỹ thuật công trình, hoàn thiện... (có danh mục bản vẽ kèm theo).
2. Các chứng chỉ kỹ thuật xuất xưởng xác nhận chất lượng vật liệu sử dụng trong công trình để thi công các phần: san nền, gia cố nền, cọc, đài cọc, kết cấu ngầm và kết cấu thân, cơ điện và hoàn thiện...
3. Các phiếu kiểm tra xác nhận chất lượng vật liệu sử dụng trong công trình để thi công các phần: san nền, gia cố nền, cọc, đài cọc, kết cấu ngầm và kết cấu thân, cơ điện và hoàn thiện... do một tổ chức chuyên môn hoặc một tổ chức khoa học có tư cách pháp nhân, năng lực và sử dụng phòng thí nghiệm hợp chuẩn thực hiện.

4. Chúng chỉ xác nhận chủng loại và chất lượng của các trang thiết bị phục vụ sản xuất và hệ thống kỹ thuật lắp đặt trong công trình như: cấp điện, cấp nước, cấp gaz... do nơi sản xuất cấp.
5. Thông báo kết quả kiểm tra chất lượng vật tư, thiết bị nhập khẩu sử dụng trong hạng mục công trình này của các tổ chức tư vấn có tư cách pháp nhân được nhà nước quy định.
6. Các tài liệu, biên bản nghiệm thu chất lượng các công tác xây dựng (theo mẫu Phụ lục 8) và lắp đặt thiết bị (theo mẫu Phụ lục 9). Kèm theo mỗi biên bản là bản vẽ hoàn công công tác xây lắp được nghiệm thu (có danh mục biên bản nghiệm thu công tác xây lắp kèm theo).
7. Các biên bản nghiệm thu thiết bị chạy thử đơn động và liên động không tải (theo mẫu Phụ lục số 10, 11) nghiệm thu thiết bị chạy thử liên động có tải (theo mẫu Phụ lục số 12), báo cáo kết quả kiểm tra, thí nghiệm, hiệu chỉnh, vận hành thử thiết bị (không tải và có tải).
8. Biên bản thử và nghiệm thu các thiết bị thông tin liên lạc, các thiết bị bảo vệ.
9. Biên bản thử và nghiệm thu các thiết bị phòng cháy chữa cháy, nổ.
10. Biên bản kiểm định môi trường, môi sinh (đối với các công trình thuộc dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường).
11. Báo cáo kết quả các thí nghiệm hiện trường (gia cố nền, sức chịu tải của cọc móng; chất lượng bê tông cọc, lưu lượng giếng, điện trở của hệ thống chống sét cho công trình và cho thiết bị, kết cấu chịu lực, thử tải bể chứa, thử tải ống cấp nước - chất lỏng....).
12. Báo cáo kết quả kiểm tra chất lượng đường hàn của các mối nối: cọc, kết cấu kim loại, đường ống lực (dẫn hơi, chất lỏng), bể chứa bằng kim loại...
13. Các tài liệu đo đạc, quan trắc lún và biến dạng các hạng mục công trình, toàn bộ công trình và các công trình lân cận trong phạm vi lún ảnh hưởng trong quá trình xây dựng (độ lún, độ nghiêng, chuyển vị ngang, góc xoay...).
14. Nhật ký theo dõi thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư (hoặc tổ chức tư vấn giám sát thi công xây lắp được chủ đầu tư thuê), doanh nghiệp xây dựng (tự giám sát) và tổ chức tư vấn lập thiết kế kỹ thuật (giám sát tác giả).
15. Lý lịch thiết bị, máy móc lắp đặt trong công trình; hướng dẫn hoặc quy trình vận hành khai thác công trình; quy trình bảo hành và bảo trì thiết bị và công trình.
16. Chúng chỉ hoàn thành cho từng công việc (thiết kế, thi công xây lắp) của các hạng mục công trình, toàn bộ công trình do các tổ chức tư vấn kiểm định chất lượng xây lắp độc lập (kể cả các nhà thầu nước ngoài tham gia tư vấn, kiểm định, giám sát, đăng kiểm chất lượng) xem xét và cấp trước khi chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu hoàn thành các hạng mục công trình và toàn bộ công trình.
17. Bản kê các thay đổi so với thiết kế (kỹ thuật, bản vẽ thi công) đã được phê duyệt lập theo mẫu tại Phụ lục 15.
18. Hồ sơ giải quyết sự cố công trình (nếu có).
19. Báo cáo của tổ chức tư vấn kiểm định đối với những bộ phận, hạng mục công trình hoặc công trình có dấu hiệu không đảm bảo chất lượng trước khi chủ đầu tư nghiệm thu (nếu có).

20. Biên bản nghiệm thu giai đoạn xây lắp lập theo mẫu Phụ lục 13 của Quy định này.
21. Biên bản nghiệm thu hạng mục công trình, nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng lập theo mẫu Phụ lục 14 của Quy định này.
22. Báo cáo của chủ đầu tư về quá trình thi công xây dựng và chất lượng công trình lập theo mẫu Phụ lục 21 của Quy định này.
23. Báo cáo của doanh nghiệp xây dựng (lập theo mẫu Phụ lục 22 của Quy định này), của tổ chức tư vấn thiết kế (lập theo mẫu Phụ lục 23 của Quy định này) và của tổ chức tư vấn giám sát (lập theo mẫu Phụ lục 24 của Quy định này) về chất lượng xây dựng công trình.

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

Căn cứ vào quy mô công trình và giai đoạn nghiệm thu công trình để xác định danh mục hồ sơ tài liệu trên cho phù hợp. Các giai đoạn xây lắp thường được chia như sau:

- Đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, các giai đoạn xây lắp bao gồm: san nền, gia cố nền - cọc - đài cọc - dầm giằng móng và kết cấu ngầm - kết cấu thân - cơ điện và hoàn thiện.
- Đối với công trình cấp thoát nước, các giai đoạn xây lắp bao gồm: đào và chuẩn bị nền - hồ khoan tạo lỗ giếng (đối với giếng khai thác nước) - kết cấu giếng - đặt ống, thử tải từng đoạn ống trước khi lấp đất - lắp đặt mạng ống nước thô, quản lý, phân phối, truyền dẫn - thử tải toàn tuyến ống, xúc xả làm vệ sinh ống, thụt rửa giếng....
- Đối với công trình cầu, các giai đoạn xây lắp bao gồm: Móng, mố trụ - dầm cầu - hoàn thiện.
- Đối với công trình đường, các giai đoạn xây lắp bao gồm: nền (các lớp nền) - móng - áo đường.
- Đối với công trình thủy lợi: việc phân chia các giai đoạn xây lắp tương tự như các loại công trình trên.

09640123

PHỤ LỤC 21

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
VỀ CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

(Báo cáo định kỳ 6 tháng một lần và khi hoàn thành giai đoạn xây lắp, hoàn thành hạng mục công trình và hoàn thành công trình đưa vào sử dụng).

Từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi:

1. Chủ đầu tư.
2. Địa điểm xây dựng
3. Quy mô công trình (nếu tóm tắt về kiến trúc, kết cấu, hệ thống kỹ thuật, công nghệ, công suất...).
4. Danh sách các tổ chức tư vấn xây dựng: khảo sát, thiết kế, giám sát thi công xây lắp, kiểm định xây dựng (nếu có); những phần việc do các tổ chức đó thực hiện.
5. Cơ quan thẩm định thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán (ghi số, ngày, tháng của văn bản kết quả thẩm định).
6. Cơ quan phê duyệt đối với:
 - Dự án đầu tư (ghi số, ngày, tháng của Quyết định phê duyệt hoặc Giấy phép đầu tư).
 - Thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán (ghi số, ngày, tháng của Quyết định phê duyệt).
7. Danh sách các doanh nghiệp xây dựng (chính, phụ); những phần việc do các doanh nghiệp đó thực hiện.
8. Những sửa đổi trong quá trình thi công so với thiết kế đã được phê duyệt (nếu những sửa đổi lớn, lý do sửa đổi, ý kiến của cấp có thẩm quyền về những sửa đổi đó).
9. Về thời hạn thi công xây dựng công trình:
 - Ngày khởi công;
 - Ngày hoàn thành.

05640148

10. Khối lượng chính của các loại công tác xây lắp chủ yếu được thực hiện trong giai đoạn báo cáo (nền, móng, bê tông, cốt thép, kết cấu thép, khối xây, hoàn thiện, hệ thống kỹ thuật công trình...) của các hạng mục và toàn bộ công trình (so sánh khối lượng đã thực hiện với khối lượng theo thiết kế đã được phê duyệt).

11. Hệ thống kiểm tra, giám sát và các biện pháp bảo đảm chất lượng công trình của chủ đầu tư, tổ chức tư vấn thực hiện giám sát thi công xây lắp do chủ đầu tư thuê, doanh nghiệp xây dựng (tự giám sát), tư vấn thiết kế kỹ thuật (giám sát tác giả).

12. Công tác nghiệm thu, thành phần tham gia nghiệm thu, thời điểm nghiệm thu: nghiệm thu công tác xây lắp, nghiệm thu giai đoạn xây lắp, nghiệm thu thiết bị chạy thử không tải, nghiệm thu thiết bị chạy thử tổng hợp, nghiệm thu hoàn thành từng hạng mục và toàn bộ công trình, bàn giao đưa công trình vào sử dụng...

13. Các quan trắc và thí nghiệm hiện trường đã thực hiện (gia cố nền, sức chịu tải của cọc móng; điện trở nối đất...). Đánh giá kết quả quan trắc và các thí nghiệm hiện trường so với yêu cầu của thiết kế đã được phê duyệt.

14. Sự cố và khiếm khuyết về chất lượng (nếu có): thời điểm xảy ra, vị trí, thiệt hại, nguyên nhân, tình hình khắc phục.

15. Quy mô đưa vào sử dụng của công trình (quy mô xây dựng, công suất, công nghệ, các thông số kỹ thuật chủ yếu...):

- Theo thiết kế đã được phê duyệt;
- Theo thực tế đạt được.

16. Kết luận về chất lượng công việc thực hiện, các hạng mục và toàn bộ công trình (trong giai đoạn báo cáo).

17. Kiến nghị (nếu có).

Nơi nhận:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: Nội dung các mục yêu cầu tại Phụ lục này chỉ báo cáo một lần, trừ trường hợp có thay đổi.

PHỤ LỤC 22

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO CỦA DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG (XÂY LẮP)/ TỔNG THẦU EPC)
VỀ CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

*(Báo cáo khi nghiệm thu giai đoạn xây lắp hoàn thành,
hoàn thành hạng mục công trình và hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng)*

Từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi: Chủ đầu tư

- 1. Doanh nghiệp xây dựng
- 2. Công trình
- 3. Hạng mục công trình
- 4. Giai đoạn nghiệm thu
- 5. Địa điểm xây dựng.
- 6. Khối lượng và chất lượng các phần san, gia cố nền, cọc móng, đài cọc và kết cấu thân, cơ điện và hoàn thiện của các hạng mục công trình và toàn bộ công trình,
- 7. Quá trình thực hiện: tiến độ, tổ chức thi công của các phần san, gia cố nền, cọc móng, đài cọc và kết cấu thân, cơ điện và hoàn thiện các hạng mục công trình của các hạng mục công trình và toàn bộ công trình,
- 8. Công tác quản lý chất lượng và các biện pháp bảo đảm chất lượng các phần san, gia cố nền, cọc móng, đài cọc và kết cấu thân, cơ điện và hoàn thiện của các hạng mục công trình và toàn bộ công trình,
- 9. Kết luận và đề nghị nghiệm thu các phần san, gia cố nền, cọc móng, đài cọc và kết cấu thân, cơ điện và hoàn thiện của các hạng mục công trình và toàn bộ công trình.

Nơi nhận:

**ĐẠI DIỆN
DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG (XÂY LẮP)
/TỔNG THẦU EPC
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)**

09640148

PHỤ LỤC 23

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN THIẾT KẾ KỸ THUẬT
VỀ CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

.....
*(Báo cáo khi nghiệm thu giai đoạn hoàn thành,
hoàn thành hạng mục công trình và hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng)*

Từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi: Chủ đầu tư/tổng thầu EPC

1. Tổ chức tư vấn thiết kế kỹ thuật
2. Công trình
3. Hạng mục công trình
4. Giai đoạn nghiệm thu
5. Địa điểm xây dựng
6. Việc thực hiện giám sát tác giả các giai đoạn xây lắp của các hạng mục công trình và toàn bộ công trình
7. Những thay đổi về thiết kế so với thiết kế đã được chấp thuận trong giấy phép xây dựng và thiết kế đã được phê duyệt (lý do thay đổi, ý kiến của cơ quan cấp giấy phép và thẩm quyền phê duyệt thiết kế về những sửa đổi đó)
8. Nhận xét về chất lượng công tác thi công các giai đoạn xây lắp của các hạng mục công trình và toàn bộ công trình do doanh nghiệp xây dựng (xây, lắp) thực hiện
9. Kết luận và đề nghị nghiệm thu các giai đoạn xây lắp của các hạng mục công trình và toàn bộ công trình

Nơi nhận:

Đại diện tổ chức tư vấn thiết kế
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

PHỤ LỤC 24

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY LẮP
VỀ CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

*(Báo cáo khi nghiệm thu giai đoạn hoàn thành,
hoàn thành hạng mục công trình và hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng).*

Từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi: Chủ đầu tư

- 1. Tổ chức tư vấn giám sát thi công xây lắp
- 2. Công trình
- 3. Hạng mục công trình
- 4. Giai đoạn nghiệm thu
- 5. Địa điểm xây dựng
- 6. Công tác quản lý chất lượng các giai đoạn xây lắp, các hạng mục công trình và toàn bộ công trình,
- 7. Các tiêu chuẩn sử dụng để nghiệm thu các giai đoạn xây lắp, các hạng mục công trình và toàn bộ công trình,
- 8. Nhận xét về chất lượng công tác thi công các giai đoạn xây lắp, các hạng mục công trình và toàn bộ công trình do doanh nghiệp xây dựng (xây, lắp) thực hiện,
- 9. Kết luận và đề nghị nghiệm thu các giai đoạn xây lắp, các hạng mục công trình và toàn bộ công trình.

Nơi nhận:

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY LẮP**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

096431148

PHỤ LỤC 25

MẪU DẤU XÁC NHẬN THIẾT KẾ KỸ THUẬT VÀ PHÊ DUYỆT BẢN VẼ THI CÔNG

1. Mẫu dấu của tổ chức tư vấn thẩm tra thiết kế chấp thuận bản vẽ thiết kế

TÊN TỔ CHỨC TƯ VẤN THẨM TRA THIẾT KẾ
ĐÃ THẨM TRA
Họ và tên, chữ ký, chức vụ của người có thẩm tra
.....
Ngày tháng năm

2. Mẫu dấu của thẩm quyền thẩm định thiết kế kỹ thuật xác nhận thiết kế kỹ thuật do Chủ đầu tư trình

TÊN CƠ QUAN, CÁ NHÂN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ KỸ THUẬT
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Bản vẽ được thẩm định theo văn bản số
Họ và tên, chữ ký, chức vụ của người có thẩm quyền thẩm định
....., ngày tháng năm

3. Mẫu dấu của Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công trước khi giao cho nhà thầu xây lắp thực hiện

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ
BẢN VẼ THI CÔNG ĐÃ PHÊ DUYỆT
Bản vẽ được triển khai phù hợp với thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt.
Họ và tên, chữ ký, chức vụ đại diện chủ đầu tư
.....
....., ngày tháng năm

Ghi chú: Nội dung các dấu trên phải đầy đủ. Kích thước dấu tùy thuộc vào kích cỡ chữ.

PHỤ LỤC 26

HƯỚNG DẪN LẬP BẢN VẼ HOÀN CÔNG

1. Cách thể hiện bản vẽ hoàn công công tác xây lắp

- Chụp lại hình vẽ thiết kế bản vẽ thi công phân công việc nghiệm thu vào mặt sau biên bản nghiệm thu công tác xây dựng (mẫu Phụ lục 8), lắp đặt thiết bị tính (theo mẫu Phụ lục 9).

- Tại hiện trường, đại diện doanh nghiệp xây dựng, đại diện chủ đầu tư đo kiểm và ghi các trị số thực tế thi công trong ngoặc đơn đặt dưới trị số thiết kế. Các chi tiết thay đổi, bổ sung đều thể hiện ngay trên bản vẽ hoàn công.

- Bản vẽ hoàn công có xác nhận của đại diện doanh nghiệp xây dựng và đại diện chủ đầu tư (ký tên).

2. Cách thể hiện bản vẽ hoàn công công trình

- Chụp lại toàn bộ bản vẽ thi công đã được chủ đầu tư phê duyệt và giữ nguyên khung tên, không thay đổi số hiệu bản vẽ thiết kế.

- Ghi các trị số thực tế thi công trong ngoặc đơn đặt dưới trị số thiết kế trên cơ sở các bản vẽ hoàn công công tác xây, lắp.

- Thể hiện các chi tiết thay đổi, bổ sung trên bản vẽ có chi tiết thay đổi, bổ sung. Nếu trên bản vẽ này không có chỗ trống thì thể hiện ở bản vẽ khác với số hiệu bản vẽ bổ sung không trùng với số hiệu bản vẽ thiết kế đã có.

- Khung tên bản vẽ hoàn công được đóng vào góc phải của bản vẽ phía trên khung tên bản vẽ thiết kế bản vẽ thi công hoặc thiết kế kỹ thuật thi công.

- Bản vẽ hoàn công có xác nhận của đại diện doanh nghiệp xây dựng và đại diện chủ đầu tư (ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu).

3. Mẫu khung tên bản vẽ hoàn công

BẢN VẼ HOÀN CÔNG Lập ngày tháng năm
TÊN DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG LẬP BẢN VẼ HOÀN CÔNG Đại diện doanh nghiệp xây dựng (ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)
TÊN CHỦ ĐẦU TƯ XÁC NHẬN Đại diện Chủ đầu tư (ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: Nội dung khung tên phải đầy đủ. Kích thước khung tên tùy thuộc vào kích cỡ chữ và dấu.

PHỤ LỤC 27

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VỀ TÌNH HÌNH
CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

(Báo cáo định kỳ 6 tháng một lần).

Kính gửi: BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

1. Tổng số các công trình đang được thi công xây dựng tại địa phương trong giai đoạn báo cáo, trong đó:

- Các công trình của các Bộ, ngành (phân theo nhóm A, B, C).
- Các công trình của địa phương (phân theo nhóm A, B, C).

Phân theo nguồn vốn:

- Đầu tư bằng vốn ngân sách của Nhà nước.
- Có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài.
- Đầu tư bằng các nguồn vốn khác.

2. Số lượng các công trình đã hoàn thành và được đưa vào sử dụng tại địa phương trong giai đoạn báo cáo, trong đó:

- Các công trình của các Bộ, ngành (phân theo nhóm A, B, C).
- Các công trình của địa phương (phân theo nhóm A, B, C).

Phân theo nguồn vốn:

- Đầu tư bằng vốn ngân sách của Nhà nước.
- Có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài.
- Đầu tư bằng các nguồn vốn khác.

Đánh giá chất lượng các công trình của địa phương đã đưa vào sử dụng trong giai đoạn báo cáo.

Việc xử lý các vi phạm Quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng trong giai đoạn báo cáo.

3. Số lượng các công trình bắt đầu triển khai thi công xây dựng tại địa phương trong giai đoạn báo cáo, trong đó:

- Các công trình của các Bộ, ngành (phân theo nhóm A, B, C).
- Các công trình của địa phương (phân theo nhóm A, B, C).

- Phân theo nguồn vốn:
 - + Đầu tư bằng vốn ngân sách của Nhà nước.
 - + Có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài.
 - + Đầu tư bằng các nguồn vốn khác.

4. Việc thực hiện Quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình chung cư, công trình kỹ thuật hạ tầng (cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông đô thị, xử lý nước thải và chất thải...), khu công nghiệp.

5. Các công trình đã được Sở Xây dựng và các Sở có công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán trong giai đoạn báo cáo, trong đó:

- Phân theo nhóm A, B, C.
- Phân theo nguồn vốn:
 - + Đầu tư bằng vốn ngân sách của Nhà nước.
 - + Có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài.
 - + Đầu tư bằng các nguồn vốn khác.

Đánh giá chất lượng thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán các công trình do địa phương quản lý.

6. Các công trình đã được Sở Xây dựng và các Sở có công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công tác nghiệm thu trong giai đoạn báo cáo.

7. Các sự cố công trình xây dựng xảy ra tại địa phương trong giai đoạn báo cáo (phân theo nhóm và theo nguồn vốn):

- Tên công trình xảy ra sự cố;
- Chủ đầu tư;
- Thời điểm xảy ra sự cố (giờ, ngày, tháng);
- Tình hình thiệt hại (thiệt hại về người, về vật chất...);
- Nguyên nhân sự cố;
- Biện pháp và tình hình khắc phục.

8. Những kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng tại địa phương.

Nơi nhận:

- Như trên
- Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng (Bộ Xây dựng)
- Lưu

CHỦ TỊCH UBND TỈNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

PHỤ LỤC 28

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO CỦA
BỘ (SỞ) CÓ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CHUYÊN NGÀNH
HOẶC BỘ (SỞ) CÓ DỰ ÁN ĐẦU TƯ
VỀ TÌNH HÌNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

(Báo cáo định kỳ 6 tháng một lần).

Kính gửi: BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG
(GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG TỈNH)

1. Tổng số các công trình của Bộ (Sở) đang được thi công xây dựng trong giai đoạn báo cáo, trong đó:

- Phân theo nhóm A, B, C.
- Đầu tư bằng vốn ngân sách của Nhà nước.
- Có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài.
- Đầu tư bằng các nguồn vốn khác.

2. Số lượng các công trình của Bộ (Sở) đã hoàn thành và được đưa vào sử dụng trong giai đoạn báo cáo, trong đó:

- Phân theo nhóm A, B, C.
- Đầu tư bằng vốn ngân sách của Nhà nước.
- Có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài.
- Đầu tư bằng các nguồn vốn khác.

Đánh giá chất lượng các công trình của Bộ (Sở) đã đưa vào sử dụng trong giai đoạn báo cáo; việc thực hiện các quy định về bảo hành và bảo trì công trình.

Việc xử lý các vi phạm Quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng trong giai đoạn báo cáo.

3. Số lượng các công trình của Bộ (Sở) bắt đầu triển khai thi công xây dựng trong giai đoạn báo cáo, trong đó:

- Phân theo nhóm A, B, C.
- Đầu tư bằng vốn ngân sách của Nhà nước.
- Có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài.
- Đầu tư bằng các nguồn vốn khác.

4. Các công trình đã được Bộ (Sở) thẩm định thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán trong giai đoạn báo cáo, trong đó:

- Phân theo nhóm A, B, C.

- Phân theo nguồn vốn:

- + Đầu tư bằng vốn ngân sách của Nhà nước.
- + Có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài.
- + Đầu tư bằng các nguồn vốn khác.

Đánh giá chất lượng thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán các công trình do Bộ (Sở) quản lý.

5. Các công trình xây dựng đã được Bộ (Sở) kiểm tra công tác nghiệm thu trong giai đoạn báo cáo.

6. Các sự cố công trình xây dựng xảy ra trong giai đoạn báo cáo (phân theo nhóm và theo nguồn vốn):

- Tên công trình xảy ra sự cố;
- Chủ đầu tư;
- Thời điểm xảy ra sự cố (giờ, ngày, tháng, năm);
- Tình hình thiệt hại (thiệt hại về người, về vật chất...);
- Nguyên nhân sự cố;
- Biện pháp và tình hình khắc phục.

7. Những kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Nơi nhận:

- Như trên
- UBND tỉnh (đối với báo cáo của Sở)
- Lưu

**BỘ (SỞ) CÓ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
CHUYÊN NGÀNH
HOẶC BỘ CÓ DỰ ÁN**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

PHỤ LỤC 29

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO NHANH SỰ CỐ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Kính gửi:

1. Người báo cáo (chủ đầu tư/tổng thầu EPC) hoặc chủ quản lý sử dụng công trình (khi công trình đã được nghiệm thu, bàn giao và đang khai thác, sử dụng)
2. Tên công trình xảy ra sự cố
3. Thuộc dự án (nhóm A, B, C)
4. Địa điểm xây dựng công trình
5. Tổ chức tư vấn thiết kế
6. Tổ chức tư vấn giám sát thi công xây lắp
7. Doanh nghiệp xây dựng (xây lắp)
8. Thời điểm xảy ra sự cố (giờ, ngày, tháng)
9. Mô tả sơ bộ về sự cố, tình trạng công trình khi xảy ra sự cố
10. Sơ bộ về tình hình thiệt hại (thiệt hại về người, về vật chất...)
11. Sơ bộ về nguyên nhân sự cố (nếu có)
12. Sơ bộ về tình hình khắc phục sự cố

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu

NGƯỜI BÁO CÁO

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

PHỤ LỤC 30

QUY ĐỊNH VỀ LƯU TRỮ HỒ SƠ HOÀN CÔNG

1. Trách nhiệm lập hồ sơ hoàn công**1. Chủ đầu tư:**

Chủ đầu tư hoặc thuê tổ chức tư vấn xây dựng (trường hợp chủ đầu tư không thuê tổ chức tư vấn giám sát thi công xây lắp) tập hợp, hoàn chỉnh hồ sơ hoàn công.

2. Doanh nghiệp xây dựng:

- Lập hồ sơ hoàn công đối với những phần việc thực hiện, giao hồ sơ và cùng chủ đầu tư soát xét để lập toàn bộ hồ sơ hoàn công.

- Phối hợp các nhà thầu phụ của mình để lập hồ sơ hoàn công các phần việc nhận thầu xây dựng;

3. Tổ chức tư vấn giám sát thi công xây lắp:

Trong trường hợp chủ đầu tư thuê tổ chức tư vấn giám sát thi công xây lắp thì tổ chức tư vấn này có trách nhiệm tập hợp kiểm tra toàn bộ hồ sơ pháp lý và tài liệu quản lý chất lượng bảo đảm hồ sơ hoàn công phản ánh đúng thực tế.

2. Nội dung hồ sơ hoàn công

Hồ sơ hoàn công bao gồm tài liệu được nêu trong danh mục hồ sơ, tài liệu hoàn thành công trình xây dựng theo Phụ lục 20 của Quy định này.

3. Quy cách hồ sơ hoàn công**1. Hình thức hồ sơ**

- Tất cả các tài liệu được sắp xếp theo trình tự của danh mục tại Phụ lục 20 đều được cài vào các bìa file cứng có kẹp sắt, cài qua lỗ đột trực tiếp vào mép trái tài liệu, hoặc xếp vào túi ni lon có nắp cài rồi đột lỗ vào mép trái của túi ni lon.

Với các bản vẽ cỡ lớn, cho phép gấp bản vẽ lại theo khổ giấy A4 (207 x 296 mm), rồi cài vào bìa file hoặc xếp vào hộp.

Trên các bìa file, hoặc hộp đều phải dán nhãn, ghi tên tài liệu, kèm theo danh mục tài liệu chứa trong đó.

- Không nhận nộp lưu hồ sơ hoàn công để trong cặp 3 dây.

- Khuyến khích việc dùng băng hình, đĩa mềm, đĩa CD-ROM, các thiết bị lưu giữ tin học khác để lập hồ sơ hoàn công và nộp kèm theo hồ sơ hoàn công lập theo hình thức thông thường.

2. Số lượng bộ hồ sơ hoàn công

- Bộ hồ sơ hoàn công được lập thành 5 - 6 bộ để gửi cho:

+ Chủ đầu tư (02 bộ nếu chủ đầu tư thành lập Ban quản lý dự án chuyên trách)	01- 02 bộ
+ Chủ quản lý sử dụng công trình	01 bộ
+ Doanh nghiệp xây dựng (xây, lắp)	02 bộ
+ Cơ quan lưu trữ Nhà nước theo phân cấp	01 bộ

4. Nộp lưu trữ hồ sơ hoàn công

- Sau khi nghiệm thu công trình hoàn thành đưa vào sử dụng, chủ đầu tư bàn giao 01 bộ hồ sơ hoàn công hoàn chỉnh cho chủ quản lý sử dụng công trình (trừ trường hợp chủ đầu tư đồng thời là chủ quản lý sử dụng công trình); đồng thời nộp lưu trữ 01 bộ cho cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ hoàn công theo phân cấp./.